

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	5
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và hạ tầng kỹ thuật Gia Phát;	5
2. Tên dự án đầu tư: “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”.	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	8
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	8
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư	11
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu phục vụ trong thi công xây dựng	11
4.2. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu phục vụ trong giai đoạn vận hành.....	14
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	19
5.1. Tiến độ thực hiện dự án	19
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	31
1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	31
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.....	32
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG_NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TU’	33
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	33
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	34
3. Hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án.	34
CHƯƠNG IV.	37
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	37
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.	37

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	40
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	76
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	80
1. Nội dung đề nghị cấp giấy đối với nước thải	80
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	81
3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung:	83
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CỦA DỰ ÁN	85
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư..	85
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	87
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	88
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN	89

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. 1. Tọa độ ranh giới khu đất.....	6
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án	12
Bảng 1. 3. Nguyên, nhiên liệu xây dựng	13
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu trong hoạt động sản xuất.....	14
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất sản xuất.....	16
Bảng 1. 6. Máy móc thiết bị phục vụ dự án	17
Bảng 1. 7. Số lượng người lao động.....	20
Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình chính của dự án.....	21
Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án	22
Bảng 3. 1. Kết quả chất lượng môi trường không khí (KXQ 01-02-03).....	34
Bảng 3. 2. Kết quả chất lượng môi trường không khí (KXQ 04-05-06).....	35
Bảng 3. 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án.....	46

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Bảng 4. 1. Các thông số kỹ thuật của thiết bị.....	48
Bảng 4. 2. Kết quả phân tích mẫu khí làm việc	55
Bảng 4. 3. Khối lượng chất thải công nghiệp không có thành phần nguy hại, có khả năng tái chế, tái sử dụng	63
Bảng 4. 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	76
Bảng 4. 5. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	77
Bảng 5. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	82
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	85
Bảng 6. 2. Kế hoạch giám sát đối với công trình xử lý chất thải.....	86

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Vị trí thực hiện dự án	6
Hình 1. 2: Quy trình sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván mỏng.....	9
Hình 1. 3. Sơ đồ quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng	19
Hình 1. 4. Sơ đồ quản lý và thực hiện của dự án	20
Hình 4. 1. Sơ đồ bể tách dầu 3 ngăn (4m ³)	41
Hình 4. 2. Sơ đồ bể phốt 3 ngăn.....	42
Hình 4. 3. Sơ đồ công nghệ hệ xử lý nước thải sinh hoạt 30m ³ /ngày đêm.....	43
Hình 4. 4. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên	52
Hình 4. 5: Hình ảnh minh họa - Thiết bị xử lý bụi khâu cắt ván	53
Hình 4. 6: Hình ảnh minh họa - Thiết bị xử lý bụi khâu cắt ván, đánh bóng (chà nhám).....	54
Hình 4. 7: Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi gỗ tại các khu vực sản xuất	57
Hình 4. 8: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt	59
Hình 4. 9: Sơ đồ công nghệ tháp khử khói dập ướt xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt	59
Hình 4. 10. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi keo	61

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng và hạ tầng kỹ thuật Gia Phát;

- Địa chỉ văn phòng: Thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư:

+ Họ và tên: Ông Triệu Đình Chuẩn;

+ Chức danh: Giám đốc;

+ CCCD: 024093000388, cấp ngày 14/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

+ Địa chỉ thường trú: Số nhà 241, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

+ Chỗ ở hiện tại: Số nhà 241, đường Nguyễn Thị Lưu, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 2400856776 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 10/01/2019; đăng ký thay đổi lần thứ 5; ngày 14/12/2023.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 593/QĐ-UBND do ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/8/2019.

- Quyết định định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 236/QĐ-SKHĐT do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 12/8/2022.

- Quyết định định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 138/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang cấp điều chỉnh lần thứ hai ngày 06/02/2024.

- Mã số thuế: 2400856776

2. Tên dự án đầu tư: “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hợp đồng thuê đất số 4186/HĐTĐ ngày 26/11/2021.

Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

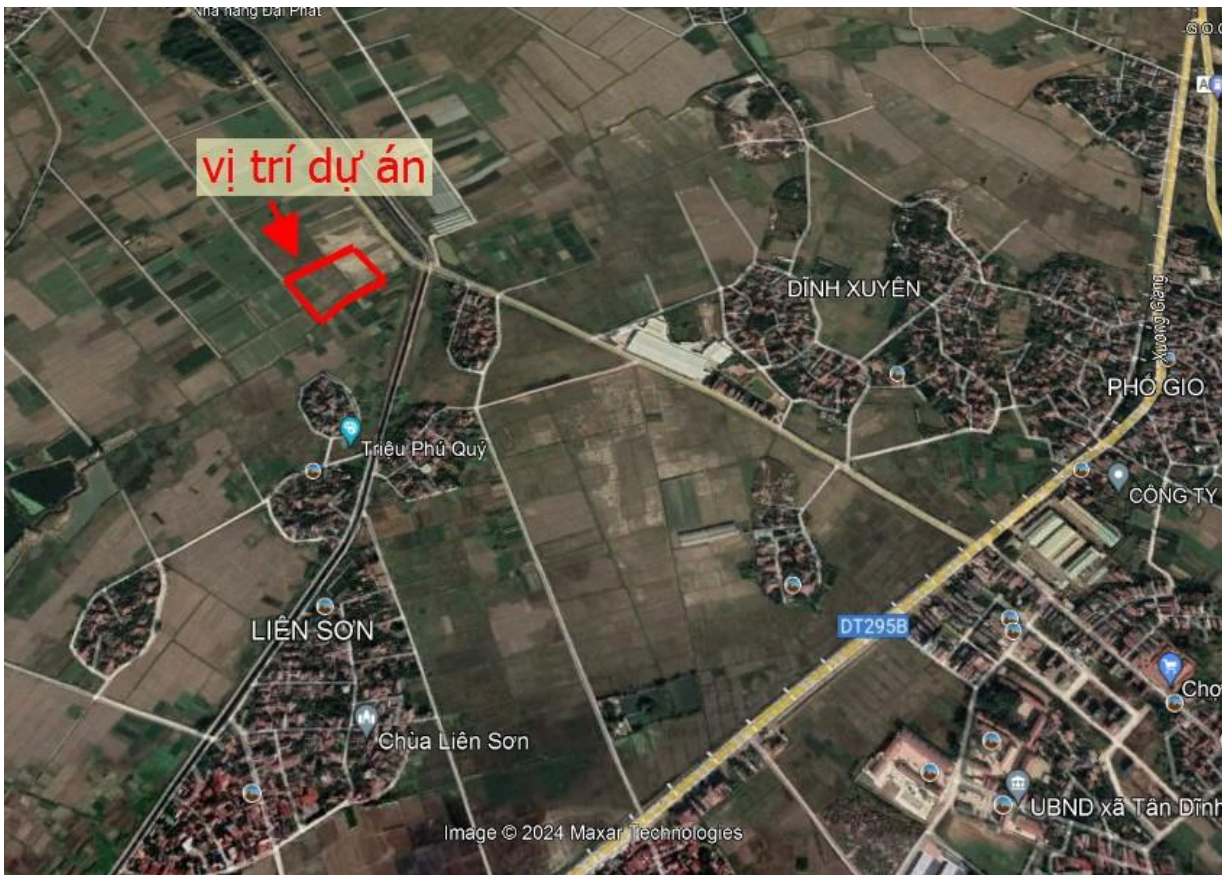
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

- + Phía Bắc : Giáp ruộng canh tác;
- + Phía Nam : Giáp ruộng canh tác ;
- + Phía Đông: Giáp đường huyện Giỏ - Mỹ Thái;
- + Phía Tây : Giáp khu đất thực hiện dự án của công ty TNHH Hưng Phát Global Bắc Giang.

Tọa độ vị trí dự án được khống chế bởi các điểm sau:

Bảng 1. 1. Tọa độ ranh giới khu đất

Tên điểm	Tọa độ	
	X	Y
N1	420260.26	235618.37
N2	420318.63	2358538.69
N3	420235.50	2358474.83
N4	420150.33	2358548.56



Hình 1. 1. Vị trí thực hiện dự án

- Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu (tên dự án cũ là Xây dựng nhà máy chế biến nầm Đông Cô) đã được ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang cấp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại bản bản số 41/GXN-UBND ngày 03/9/2020.

- Quy mô đầu tư:

+ Diện tích đất sử dụng: 13.008 m².

+ Công suất: Sản xuất gỗ ván ép với quy mô 10.000 m³/năm tương đương với 500.000m²/năm.

- Tổng vốn đầu tư: **21.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một tỷ đồng*)

Dự án thuộc Mục III, phần C, phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công. Dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của Pháp luật về đầu tư công; thuộc mục số 2, phần II, Phụ lục V (dự án nhóm III) của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Dự án thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1, điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và theo khoản 4, điều 41 dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện.

Dự án có tên cũ là “Xây dựng nhà máy chế biến nầm Đông Cô” theo Quyết định chủ trương số 593/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, điều chỉnh lần thứ nhất của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 236/QĐ-SKHĐT ngày 12/8/2022. Dự án đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất sản xuất và có hợp đồng thuê đất số 4186/HĐTĐ ngày 26/11/2021 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang và Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật Hạ tầng Gia Phát. Dự án được cấp giấy xác nhận bảo vệ môi trường số 41/GXN-UBND ngày 03/9/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang. Dự án được cấp phép xây dựng số 215/GPXD ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang và Điều chỉnh giấy phép xây dựng tại văn bản số 124/GPXD ngày 17/5/2023. Sau đó dự án được điều chỉnh có tên là “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu” tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, điều chỉnh lần thứ 2 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 06/02/2024. Dự án hiện đang thi công xây dựng các hạng mục công trình theo giấy phép xây dựng đã được cấp trước đó và chưa đi vào hoạt động. Do vậy, Cấu trúc và nội dung của báo được trình bày theo quy định tại mẫu tại Phụ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

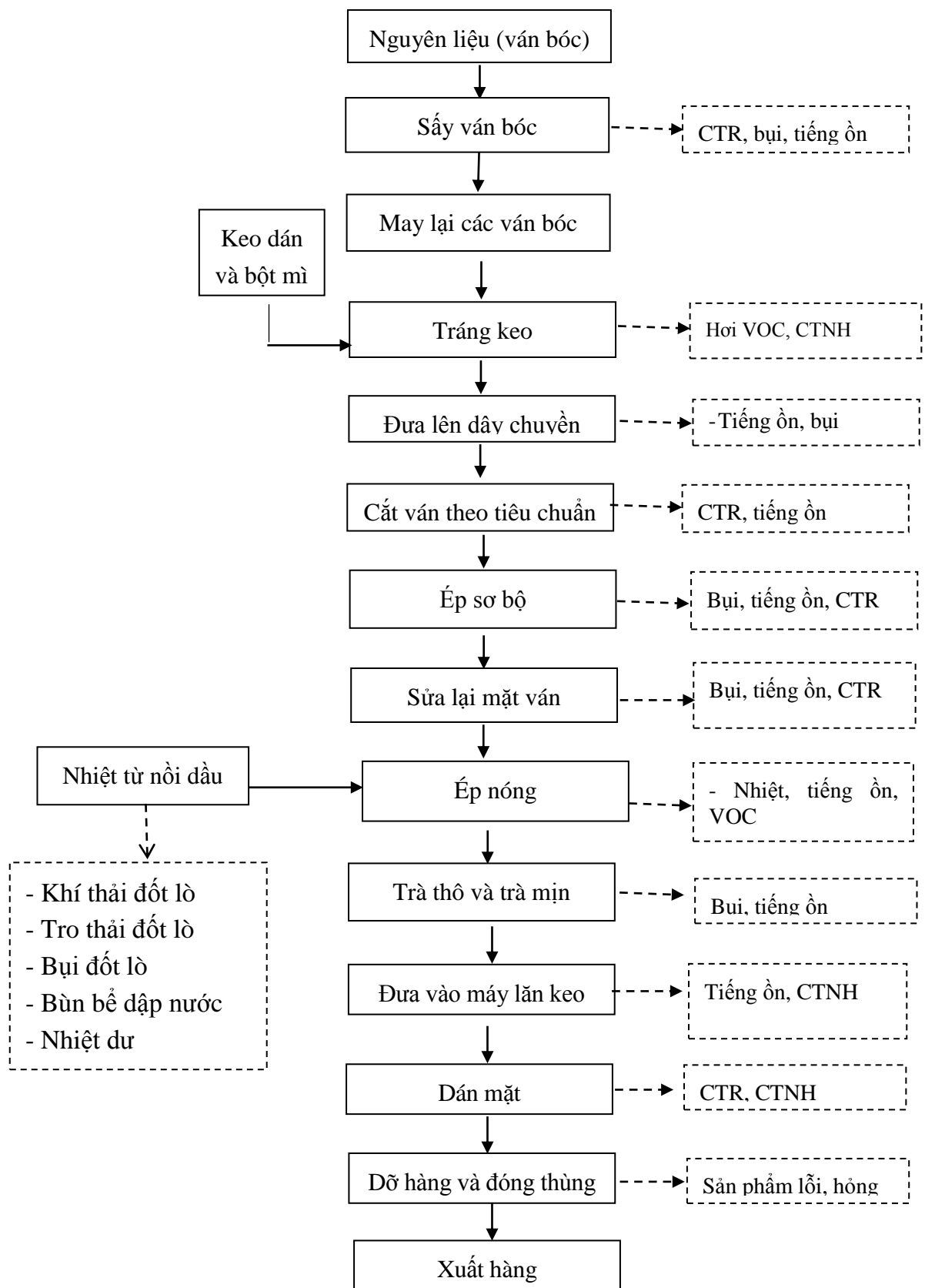
- Quy mô: Sản xuất gỗ ván ép với quy mô 10.000m³ tương đương với 500.000m²/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

1.3.2.1. Quy trình Công nghệ sản xuất gỗ ván ép

Quy trình công nghệ sản xuất của dự án được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”*



Hình 1. 2: Quy trình sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván mỏng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

*** Thuyết minh công nghệ:**

Các nguyên vật liệu chính dùng trong quá trình sản xuất phần lớn sử dụng nguồn nguyên liệu trong tỉnh Bắc Giang và một số tỉnh ngoài, các nguyên liệu chính bao gồm: Tấm gỗ đã được lạng (ván đơn khô) làm từ gỗ Bạch Đàn, gỗ keo, gỗ Bạch Dương và các loại gỗ rừng khác, keo dán gỗ, mặt ván gỗ. Nguyên liệu ván bóc nhập về được đưa vào kho chứa nguyên liệu có mái che để tránh ảnh hưởng của nước mưa làm ảnh hưởng đến chất lượng của nguyên liệu.

Nguyên liệu đầu vào nhập về là ván đã được bóc, lạng nhập vào kho chứa nguyên liệu. Các tấm ván lạng, bóc này sau đó được kiểm tra phân loại. Ván sau khi được kiểm tra sơ bộ sẽ được đưa vào khu vực sấy để đảm bảo độ ẩm của tấm ván (độ ẩm của ván nhỏ hơn 20%), nhiệt được cung cấp từ khu vực nồi dầu với nhiệt độ sấy khoảng 50-55 độ C, công suất sấy được thực hiện bằng máy buồng sấy, được trang bị với các ru lô trên băng tải có tác dụng đẩy ván mỏng đi dọc theo buồng sấy. Hệ thống gia nhiệt và quạt được bố trí dọc theo buồng sấy để kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm, thời gian sấy khoảng 30-40 phút/1 mẻ, tại khu vực này chỉ phát sinh hơi nước từ tấm ván.

Sau khi công nhân kiểm tra tấm ván lạng đạt độ ẩm yêu cầu. Các mảnh ván mỏng có thể được ghép nối lại với nhau theo cạnh ván để tạo nên những tấm lớn hơn theo kích thước và hình ảnh ván mỏng theo yêu cầu. Việc liên kết cạnh này có thể được thực hiện bằng máy khâu cạnh ván với dây keo theo đường zíc zắc.

Sau công đoạn may ghép các tấm ván bóc, công nhân sẽ đưa ván vào máy lăn keo để tráng keo trên bề mặt tấm ván. Sau đó công nhân đưa ván đã lăn keo vào máy chuyên và xếp thành từng lớp theo độ dày phù hợp của từng loại ván. Tiếp theo đưa ván vào máy cưa tự động, cắt ván theo kích thước yêu cầu của khách hàng. Sau khi máy chuyên cắt ván theo chiều dài, công nhân dùng xe nâng đưa ván vào máy ép để ép sơ bộ. Quá trình ép sơ bộ diễn ra trong 30 phút dưới áp lực 500 tấn để ép chặt các tấm gỗ với nhau.

Ván gỗ sau công đoạn ép sơ bộ sẽ được công nhân kiểm tra bề mặt của ván,

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỠ XUẤT KHẨU”

sửa lại bề mặt những chỗ bị rỗ, rãnh cưa, lõm bằng keo và mùn cưa (Sửa mặt ván). Tiếp đó tấm ván được di chuyển bằng con lăn sang quá trình ép nóng ở 120°C trong 20 phút.

Ván sau khi được ép nóng sẽ đưa vào máy chà nhám, đánh bóng bề mặt ván (chà thô và chà mịn). Ván sau khi được chà nhám và đánh bóng bề mặt xong sẽ được đưa vào máy lăn keo tự động trên bề mặt ván, sau khi được lăn keo ván sẽ được đưa vào máy dán mặt để dán mặt ván (ép phim, ép cốt), thu được thành phẩm.

Thành phẩm được đưa sang công đoạn kiểm tra, đóng gói sản phẩm, lưu kho, xuất kho.

*. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ của dự án

Quy trình sản xuất được tổ chức kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo quy trình sản xuất được thực hiện một cách đồng bộ, giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động công nhân, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: Gỗ ván ép với quy mô 10.000 m³ tương đương với 500.000m²/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của dự án đầu tư

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu phục vụ trong thi công xây dựng

Dự án xây dựng tại: thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với diện tích: khoảng 13.008 m². Cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn	Số tầng	Ghi chú
1	Nhà xưởng 1	m ²	2.130	2.130	1	Đặt lò dầu và thực hiện công đoạn ép nóng, ép film, ép cốt
2	Nhà xưởng 1A (giai đoạn 2)	m ²	912	912	1	
3	Nhà xưởng 2	m ²	1.482	1.482	1	Thực hiện công đoạn chà nhám, chà mí
4	Nhà kho chứa thành phẩm	m ²	1.404	1.404	1	
5	Nhà điều hành	m ²	151	151	1	
6	Nhà ăn công nhân	m ²	76.5	76.5	1	
7	Bán mái nhà ăn công nhân	m ²	213	213	1	
8	Nhà để xe	m ²	82.5	82.5	1	
9	Nhà vệ sinh số 1	m ²	82	82	1	
10	Nhà vệ sinh số 2	m ²	22.8	22.8	1	
11	Nhà trực ca	m ²	209	209	1	
12	Nhà kho	m ²	180	180	1	
13	Nhà để máy bơm	m ²	8	8	1	
14	Nhà để xe	m ²	82.5	82.5	1	
15	Nhà bảo vệ	m ²	11	11		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

16	Đất cây xanh		2.699			
17	Đất giao thông, Hạ tầng kỹ thuật	m ²	3.345,2			
	Tổng		13.008	5.781,8		

(Nguồn: Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500)

a. Nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu sử dụng điện phục vụ thi công xây dựng các hạng mục công trình: khoảng 80 kWh/ngày.

- Nguồn điện được lấy từ lưới điện của khu vực .

b. Nhu cầu dùng nước sử dụng trong quá trình thi công xây dựng:

- Nước chủ yếu phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và thi công, tưới đập bụi.

Nhu cầu sử dụng nước như sau:

+ Nước sử dụng cho sinh hoạt: 2,0 m³/ngày.

+ Nước sử dụng cho thi công: 5 m³/ngày.

+ Nước tưới làm ẩm để giảm phát tán bụi sử dụng cho 2-4 lần tưới/ngày (tính trung bình 3 lần/ngày) với định mức 0,5 lít/m². Tần suất cũng như lượng nước tưới ẩm còn phụ thuộc vào thời tiết và khu vực thi công.

Nước được lấy từ nguồn giếng khoan và nước mặt trong khu vực

c. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên vật liệu xây dựng:

Nguồn nguyên, nhiên vật liệu phục vụ giai đoạn thi công được cung ứng từ các đại lý trên địa bàn huyện Lạng Giang và các vùng lân cận, ước tính khối lượng nguyên vật liệu xây dựng cần cung cấp cho dự án như sau:

Bảng 1. 3. Nguyên, nhiên liệu xây dựng

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Trị số tiêu chuẩn	Khối lượng (tấn)
1	Cát đen	m ³	820	1,2 tấn/m ³	984
2	Cát mịn	m ³	295,8	1,5 tấn/m ³	443,7
3	Cát vàng đổ bê tông	m ³	574,5	1,4 tấn/m ³	804,3
4	Thép hình	kg	16.230	-	161,23
5	Thép tấm	kg	2.850	-	2,85
6	Thép tròn	kg	125.488	-	125,49

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

7	Xi măng	kg	520.105	-	520,11
8	Đá dăm	m ³	277	1,6 tấn/m ³	443,2
9	Gạch chỉ đặc tiêu chuẩn	viên	82.360	2,3 kg/viên	189,43
10	Đinh vít	kg	160	-	0,16
11	Tôn các loại	m ²	1.230	8 kg/m ²	9,84
12	Sơn các loại	kg	11.226	-	11,23
Tổng (làm tròn)					3.696

(Nguồn: chủ dự án)

Các nguyên, vật liệu trên được mua mới hoàn toàn đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Các trang thiết bị xây lắp được đầu tư mới hoàn toàn.

4.2. Nhu cầu nguyên, nhiên vật liệu phục vụ trong giai đoạn vận hành

a. Nguyên, nhiên, vật liệu của dự án

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động của dự án được thống kê dưới bảng sau:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu trong hoạt động sản xuất

TT	Tên nguyên liệu	Công thức hoá học	Đặc điểm	Đơn vị	Khối lượng	Xuất xứ
I	Nguyên vật liệu sản xuất gỗ ván ép phủ film					
1	Gỗ ván các loại (Gỗ ván, gỗ lạng...)		Nguyên liệu nhập về là ván bóc đã được xử lý sạch, trước khi đi vào sản xuất sẽ được phân loại theo từng loại gỗ. Các ván bóc nhập về đều đảm bảo chất lượng độ ẩm để tiến hành sản xuất mà không cần phải sấy	m ³	10.000	Việt Nam
2	Keo dán gỗ (Ước tính)	- Keo Urea formaldehyde - Keo Phenol	- Keo Urea formaldehyde (UF): Dạng lỏng.	Tấn	1.110	Nhập từ nhà cung

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

	lượng keo sử dụng định mức cho 1m ³ sản phẩm là 111kg, tổng lượng keo sử dụng 01 năm là: 10.000m ³ x 111kg/m ³ = 1.110 tấn/năm). Nguyên liệu dùng để nấu keo, gồm:	formaldehyde	Được hình thành trên cơ sở nhựa ureformaldehyde-nhựa nhiệt rắn được tổng hợp từ phản ứng trùng ngưng ure với formaldehyde. - Keo Phenol formaldehyde (PF): Dạng lỏng. Keo được hình thành trên cơ sở nhựa phenol-formaldehyde - nhựa nhiệt rắn được tổng hợp từ phản ứng trùng ngưng phenol với formaldehyde Keo dán gỗ (UF/PF) công ty sản xuất tuân thủ QCVN 03-01:2022/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về keo dán gỗ (Hàm lượng formaldehyde tự do trong keo dán gỗ không vượt quá 1,4% theo khối lượng) - Dạng bột, màu trắng. - Trộn với keo để tăng độ kết dính.			ứng
3	Bột mỳ			Tấn	15	Việt Nam
4	Màng film			Tờ	400.000	Việt Nam
II	Nguyên vật liệu sản xuất film phủ gỗ ván ép					
1	Keo dán	Phenol		Tấn	2,5	Tự sản

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

		formaldehyde				xuất
2	Màng film			Tấn	20	Trung Quốc

(Nguồn: Chủ dự án)

Chủ dự án cam kết không sử dụng các nguyên vật liệu nằm trong danh sách vật liệu cấm sử dụng theo pháp luật Việt Nam hiện hành.

- Nhu cầu sử dụng hoá chất cho hệ thống xử lý khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động ổn định của dự án như sau:

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng hóa chất sản xuất

STT	Hóa chất/Chế phẩm vi sinh	Công đoạn xử lý có sử dụng	Liều lượng
I. Hoá chất/chế phẩm vi sinh sử dụng cho hoạt động xử lý nước thải			
1	Chế phẩm vi sinh (bột Microphot)	Bể tự hoại	100 g/m ³ nước thải, bổ sung 06 tháng/lần
2	Methanol	Bể thiếu khí	30kg/tháng
3	Viên nén clo	Khử trùng	15kg/tháng
II. Hoá chất sử dụng cho hoạt động xử lý khí thải			
1	NaOH	Hệ thống xử lý thải từ quá trình lăn keo, ép nóng, phủ film	360kg/năm
2	Than hoạt tính	- Hệ thống xử lý thải từ quá trình lăn keo, ép nóng, phủ film	240kg/năm

(Nguồn: Chủ dự án)

- Nhu cầu củi đốt lò dầu: ước tính khoảng 1,75 tấn/ngày.

Nguồn cung cấp : CTR thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất (đầu mẩu gỗ, ván hỏng, mùn cưa... không dính keo) sẽ được tận dụng làm nguồn cung cấp củi đốt lò dầu của dự án.

Lượng đầu mẩu gỗ thải, mùn cưa...không dính thành phần nguy hại phát sinh hàng ngày từ quá trình sản xuất khoảng 270 kg/ngày. Như vậy, chủ dự án sẽ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

phải mua thêm củi từ các đơn vị cung cấp trên địa bàn tỉnh để đảm bảo nhu cầu củi đốt cho lò dầu.

- Nhu cầu dầu diesel : dung tích lò dầu : 2,5m³, lượng dầu này không thải ra ngoài môi trường, được bổ sung khoảng 1 lần/1 tháng. Mỗi lần bổ sung khoảng 0,1m³ bù lại lượng dầu tiêu hao.

Bảng 1. 6. Máy móc thiết bị phục vụ dự án

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng thiết bị
I	Máy móc phục vụ sản xuất ván ép phủ phim					
1	Máy chà mí	Chiếc	2	Trung Quốc	2024	Mới 100%
2	Băng chuyền	Chiếc	3	Trung Quốc	2024	Mới 100%
3	Máy quay keo	Chiếc	3	Trung Quốc	2024	Mới 100%
4	Máy ép nguội	Chiếc	6	Trung Quốc	2024	Mới 100%
5	Máy ép cốt	Chiếc	6	Trung Quốc	2024	Mới 100%
6	Máy lật bả ván tự động	Chiếc	1	Trung Quốc	2024	Mới 100%
7	Máy chà	Chiếc	2	Trung Quốc	2024	Mới 100%
8	Máy ép fim	Chiếc	2	Trung Quốc	2024	Mới 100%
9	Lò dầu	Chiếc	1	Trung Quốc	2024	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

10	Máy phát điện	Chiếc	1	Trung Quốc	2024	Mới 100%
11	Máy nén khí	Chiếc	2	Trung Quốc	2024	Mới 100%
12	Máy sấy độn	Chiếc	1	Trung Quốc	2024	Mới 100%

Ngoài ra, để phục vụ cho hoạt động hành chính văn phòng, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn sử dụng các máy móc thiết bị văn phòng như máy vi tính, máy in, máy photocopy,...

b. Nhu cầu sử dụng điện

- Điện sử dụng cho dự án phục vụ chủ yếu cho các nhu cầu sau:
 - + Phục vụ cho các dây chuyền sản xuất;
 - + Phục vụ chiếu sáng;
 - + Phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của nhân viên.

Nguồn điện được lấy từ lưới điện của điện lực Lạng Giang qua trạm biến áp của dự án cấp đến các khu vực sử dụng.

Công suất tiêu thụ điện của dự án (hoạt động ổn định với công suất tối đa) khoảng 40.000 KWh/tháng.

c. Nhu cầu sử dụng nước:

Nhu cầu sử dụng nước trong công ty bao gồm: lượng nước sử dụng cho sản xuất (cấp cho hệ thống dập bụi, khí thải lò dầu); sinh hoạt (nhu cầu ăn uống, vệ sinh, rửa sàn); phòng cháy chữa cháy;

* **Nguồn cung cấp:** nước sạch được cấp trong khu vực;

* **Lưu lượng nước sử dụng trong quá trình hoạt động ổn định:**

+ Nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt (có tổ chức nấu ăn tại công ty):

Giai đoạn hoạt động ổn định, dự kiến số lượng cán bộ công nhân viên khoảng 120 người, Công ty tổ chức nấu ăn tại Công ty. Theo TCXDVN 33:2006 Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế thì khu vực thực hiện Dự án có hệ số cấp nước là 80 lít/người.ngày.

→ Nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên:

$$120 (\text{người}) \times 80 (\text{lít/người.ngày}) / 1.000 = 9,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm.}$$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

- Nước sử dụng cho hệ thống dập bụi, khí thải lò dầu: bổ sung hàng ngày khoảng 1,5m³/ngày.

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước của Công ty khoảng: 11,1m³/ngày.đêm (ngoài ra nhu cầu cấp nước phòng cháy chữa cháy khoảng 50m³/ 1 đám cháy)

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Hoàn thiện xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị và nghiệm thu công trình: đến tháng 4/2025.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Tháng 5/2025

- Vận hành chính thức: Tháng 6/2025

5.2. Vốn đầu tư dự án

Tổng vốn đầu tư của dự án là: 21.000.000.000 (Hai mươi một tỷ đồng)

Trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 4.200.000.000 (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng)

+ Vốn huy động: 16.800.000.000 (Mười sáu tỷ tám trăm triệu đồng)

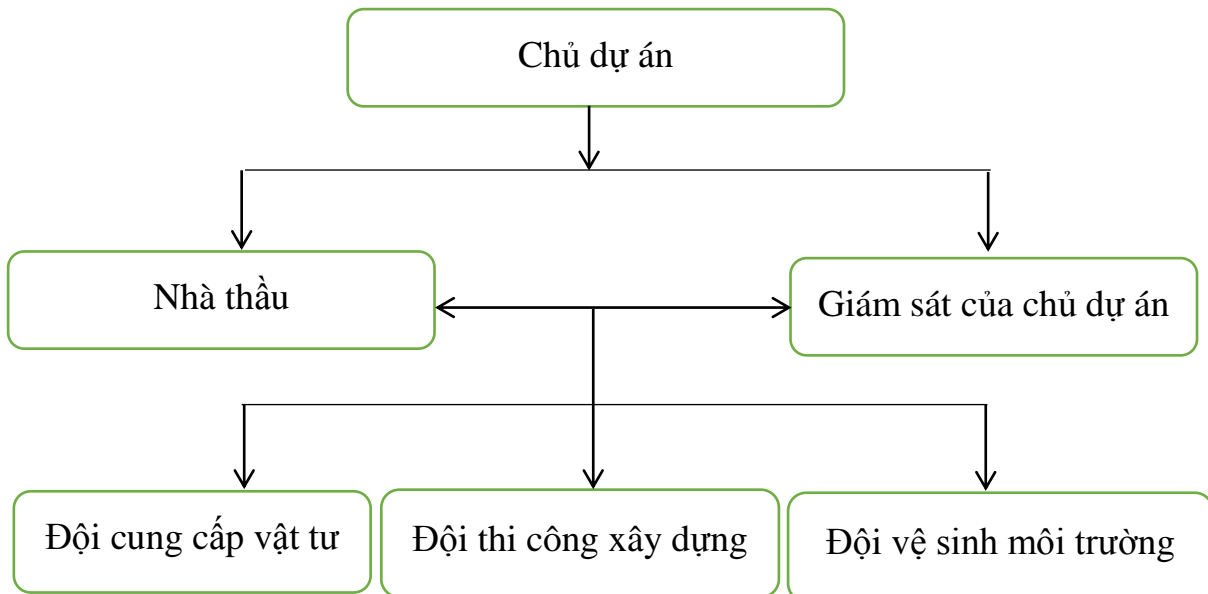
+ Vốn khác: Không

5.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Giai đoạn xây dựng

Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án được quản lý bởi chủ dự án, các phòng ban. Công nhân lao động do các nhà thầu cung cấp.

Sơ đồ quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng như sau:

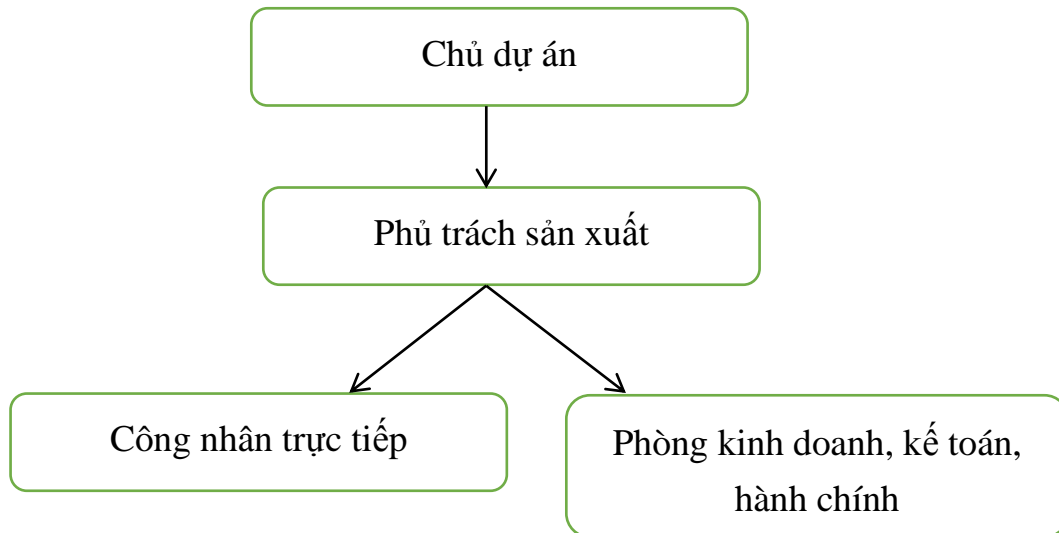


Hình 1. 3. Sơ đồ quản lý và thực hiện trong giai đoạn xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Số lượng công nhân thực hiện cho giai đoạn thi công công trình khoảng 20 người.

b. Giai đoạn hoạt động



Hình 1. 4. Sơ đồ quản lý và thực hiện của dự án

Số lượng lao động của dự án

Số lượng lao động của dự án khi đi vào hoạt động ổn định như sau:

Bảng 1. 7. Số lượng người lao động

TT	Vị trí	Số lượng người	Tiêu chuẩn (Chất lượng)
1	Quản lý	2	Tốt nghiệp đại học
2	Hành chính – Kế toán	3	Tốt nghiệp cao đẳng, đại học
3	Bộ phận kinh doanh	2	Tốt nghiệp cao đẳng, đại học
4	Lái xe	1	Có 03 năm kinh nghiệm lái xe
5	Công nhân	100	Không yêu cầu
6	Kỹ thuật	7	Có trên 02 năm kinh nghiệm
7	Bảo vệ, nhà bếp	5	Không yêu cầu
Tổng số		120	

(Nguồn: Chủ dự án)

*** Chế độ làm việc:**

- Phù hợp chế độ làm việc của công ty;
- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, thời tiết khí hậu khu vực.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

- Chế độ làm việc được xác định theo chế độ làm việc không liên tục, nghỉ chủ nhật và các ngày lễ lớn của đất nước, cụ thể như sau:

+ Số ngày làm việc trong năm: 300 ngày

+ Số ca làm việc trong ngày: 1 ca.

+ Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ

c. Hiện trạng của khu vực dự án

Khu đất thực hiện dự án nằm tại thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Tổng diện tích khoảng 13.008 m².

Khu đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang giao cho Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật hạ tầng Gia Phát thuê theo hợp đồng số 4186/HĐTD ngày 26/11/2021 để thực hiện dự án đầu tư dự án “Nhà máy chế biến nấm Đông Cô” (Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 593/QĐ-UBND ngày 20/8/2019, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 236/QĐ-UBND ngày 12/8/2022). Nay là dự án Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 138/QĐ-UBND ngày 06/02/2024).

Tính đến ngày 29/5/2024, dự án đang thực hiện và thi công các hạng mục công trình đã được cấp phép theo giấy phép cấp phép xây dựng số 215/GPXD ngày 20/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang và Điều chỉnh giấy phép xây dựng tại văn bản số 124/GPXD ngày 17/5/2023. Dự kiến đến tháng 12/2024 sẽ hoàn thành các công trình xây dựng.

d. Các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình của dự án như sau:

Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình chính của dự án

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn	Số tầng	Thời gian hoàn thành
1	Nhà xưởng 1	m ²	2.130	2.130	1	
2	Nhà xưởng 1A (giai đoạn 2)	m ²	912	912	1	
3	Nhà xưởng 2	m ²	1.482	1.482	1	Đã xây dựng
4	Nhà kho chứa thành phẩm	m ²	1.404	1.404	1	Đã xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

5	Nhà điều hành	m ²	151	151	1	
6	Nhà ăn công nhân	m ²	76.5	76.5	1	
7	Bán mái nhà ăn công nhân	m ²	213	213	1	
8	Nhà để xe	m ²	82.5	82.5	1	
9	Nhà vệ sinh số 1	m ²	82	82	1	
10	Nhà vệ sinh số 2	m ²	22.8	22.8	1	
11	Nhà trực ca	m ²	209	209	1	
12	Nhà kho	m ²	180	180	1	
13	Nhà để máy bơm	m ²	8	8	1	
14	Nhà để xe	m ²	82.5	82.5	1	
15	Nhà bảo vệ	m ²	11	11		
16	Đất cây xanh		2.699			
17	Đất giao thông, Hạ tầng kỹ thuật	m ²	3.345,2			
	Tổng		13.008	5.781,8		

(Nguồn: Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án)

Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

STT	Tên hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian hoàn thành
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BVMT					
1	Kho hóa chất 20m ²		Kho	01	Quý 4/2024
2	Kho chứa chất thải sản xuất 20 m ²		Kho	01	
3	Kho chứa chất thải sinh hoạt 20 m ²		Kho	01	
4	Kho chứa chất thải nguy hại 20 m ²		Kho	01	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”*

STT	Tên hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian hoàn thành
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH BVMT					
5	Bể tách dầu mỡ 03 ngăn		Bể	01	
6	Bể tự hoại nhà vệ sinh		Bể	02	
8	HTXL nước thải tập trung 30 m ³ /ngày.đêm		Hệ thống	01	
9	Hệ thống thoát nước thải		Hệ thống	01	
10	Hệ thống thoát nước mưa		Hệ thống	01	
11	Hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt		Hệ thống	01	
12	Hệ thống xử lý bụi khô chà nhám, khô cắt cạnh (chà mí)		Hệ thống	01	
14	Hệ thống xử lý khí thải khu vực ép nóng, ép phim, ép cốt		Hệ thống	01	
15	Hệ thống PCCC		Hệ thống	01	

(Nguồn: Chủ dự án)

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

*** Giải pháp thiết kế**

- Về cốt xây dựng các công trình:

Cao độ san nền trung bình từ +10.05m đến +10.10m. Cao độ sân đường nội bộ hoàn thiện của dự án là +10.30m xác định theo cốt tìm đường nhựa hiện trạng phía cổng chính. Cao độ hoàn thiện (cốt +0.000) của các hạng mục: Nhà xưởng chế biến số 1, Nhà xưởng chế biến số 2, Nhà kho chứa sản phẩm, Nhà ăn công nhân, Nhà vệ sinh số 1, Nhà vệ sinh số 2, Nhà chứa rác thải là cốt +10.5m (cao hơn cốt sân đường nội bộ hoàn thiện 0,2m). Nhà điều hành là cốt +10.75m (cao hơn cốt sân đường nội bộ hoàn thiện 0,45m). Nhà để xe là cốt +10.30m (cao bằng cốt sân đường nội bộ hoàn thiện). Nhà bảo vệ là cốt +10.60m (cao hơn cốt sân đường nội bộ hoàn thiện 0,3m).

- Hạng mục: Nhà xưởng số 1 (Hạng mục số 01 trên bản vẽ quy hoạch TMB):

- Kiến trúc: Nhà hình chữ nhật 01 tầng, diện tích xây dựng (BxL)=(39,0mx54,6m)= 2.129,4m², tổng diện tích sàn 2.129,4m²; nhà gồm 07 gian, bước gian là 7,8m, khẩu độ là 39,0m; chiều cao công trình tính từ cốt ±0.00 đến đỉnh mái là +10,0m (trong đó: Chiều cao tới đỉnh cột là 7,5m, mái cao 2,5m); nền nhà hoàn thiện cốt ±0.00 cao hơn cốt sân hoàn thiện tại vị trí xây dựng 0,2m.

- Kết cấu: Móng cọc BTCT mác 250#, kết hợp đài, dầm móng đổ bê tông tại chỗ BTCT M250#; bu lông liên kết chân móng. Phần thân hệ khung cột kèo thép tiền chế; Cột thép C1- I(350-600)x214x8x10, C2,C3-I350x210x8x10, kèo thép BK1-I(600-350)x214x8x10, BK2- I350x214x8x10, BK3-I(350-550)x214x8x10; xà gồ mái thép C200x65x20x2, mái lợp tôn liên doanh dày 0,45mm. Tường xây gạch vữa XMM75# cao 3,3m, trát tường dày 1,5cm vữa XMM75#, còn lại bít tôn tới mái.

- Hoàn thiện: Hệ thống cửa đi sử dụng cửa sắt đầy, cửa sổ sử dụng cửa nhôm kính. Nền đổ bê tông đá 2x4 M250# dày 200mm, lót cát dày 5cm. Công trình hoàn thiện sơn không bả toàn nhà.

- Hệ thống cấp điện: Cấp điện từ trạm biến áp của dự án, dây cáp điện vào Tủ điện tổng trong nhà sử dụng dây Cu/XPLE/PVC (3x70+1x50)mm². Dây dẫn cấp điện từ Tủ điện tổng để chia tới các tầng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x10mm², dây dẫn tới các ổ cắm, chiếu sáng, quạt sử dụng dây Cu/XPLE/PVC

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỠ XUẤT KHẨU”

2x6mm², Cu/XPLE/PVC 2x4mm². Dây dẫn điện đi ngầm tường và trong ống nhựa PVC bảo vệ.

- Hệ thống thoát nước mái: Nước mưa mái được thu gom vào các ống đứng UPVC D90 để thoát vào mạng lưới thoát nước mưa ngoài nhà.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy (hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, bình chữa cháy xách tay, hệ thống đèn exit thoát hiểm): Theo thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang thẩm duyệt.

- *Hạng mục: Nhà xưởng số 2 (Hạng mục số 02 trên bản vẽ quy hoạch TMB):*

- Kiến trúc: Nhà hình chữ nhật 01 tầng, diện tích xây dựng (BxL)=(19,0mx78,0m)=1.482,0m², tổng diện tích sàn 1.482,0m²; nhà gồm 10 gian, bước gian là 7,8m, khẩu độ là 19,0m; chiều cao công trình tính từ cốt ±0.00 đến đỉnh mái là +12,3m (trong đó: Chiều cao tới đỉnh cột là 8,5m, mái cao 3,8m); nền nhà hoàn thiện cốt ±0.00 cao hơn cốt sân hoàn thiện tại vị trí xây dựng 0,2m.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT mác 250#, kết hợp đài, dầm móng đổ bê tông tại chỗ BTCT M250#; bu lông liên kết chân móng. Phần thân hệ BTCT kèo thép tiền chế; Cột bê tông cốt thép mác 250#, cột C1 (500x400), cột C2(330x220); Kèo thép I(500-300)x200x6x8; xà gồ mái thép C200x65x20x2, mái lợp tôn liên doanh dày 0,45mm. Tường xây gạch vữa XMM75# cao 3,0m, trát tường dày 1,5cm vữa XMM75#, còn lại bít tôn tới mái.

- Hoàn thiện: Hệ thống cửa đi sử dụng cửa sắt đầy, cửa sổ sử dụng cửa nhôm kính. Nền đổ bê tông đá 2x4 M250# dày 200mm. Công trình hoàn thiện sơn không bả toàn nhà.

- Hệ thống cấp điện: Cấp điện từ trạm biến áp của dự án, dây cấp điện vào Tủ điện tổng trong nhà sử dụng dây Cu/XPLE/PVC (3x70+1x50)mm². Dây dẫn cấp điện từ Tủ điện tổng để chia tới các tầng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x10mm², dây dẫn tới các ổ cắm, chiếu sáng, quạt sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x6mm², Cu/XPLE/PVC 2x4mm². Dây dẫn điện đi ngầm tường và trong ống nhựa PVC bảo vệ.

- Hệ thống thoát nước mái: Nước mưa mái được thu gom vào các ống đứng UPVC D90 để thoát vào mạng lưới thoát nước mưa ngoài nhà.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy (hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, bình chữa cháy xách tay, hệ thống đèn exit thoát hiểm): Theo thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang thẩm duyệt.

- *Hạng mục: Nhà kho chứa sản phẩm (Hạng mục số 03 trên bản vẽ quy hoạch TMB):*

- Kiến trúc: Nhà hình chữ nhật 01 tầng, diện tích xây dựng (BxL)=(18,0mx78,0m)=1.404,0m², tổng diện tích sàn 1.404,0m²; nhà gồm 10 gian, bước gian là 7,8m, khẩu độ là 18,0m; chiều cao công trình tính từ cốt ±0.00 đến đỉnh mái là +12,3m (trong đó: Chiều cao tới đỉnh cột là 8,5m, mái cao 3,8m); nền nhà hoàn thiện cốt ±0.00 cao hơn cốt sân hoàn thiện tại vị trí xây dựng 0,2m.

- Kết cấu: Móng đơn BTCT mác 250#, kết hợp đài, dầm móng đổ bê tông tại chỗ BTCT M250#; bu lông liên kết chân móng. Phần thân hệ khung cột kèo thép tiền chế; Cột C1- I(400-240)/200x8x10, cột C2-I250x210x8x10; Kèo thép I(500-300)x200x6x8; xà gồ mái thép C200x65x20x2, mái lợp tôn liên doanh dày 0,45mm. Tường xây gạch vữa XMM75# cao 3,0m, trát tường dày 1,5cm vữa XMM75#, còn lại bịt tôn tới mái.

- Hoàn thiện: Hệ thống cửa đi sử dụng cửa sắt đẩy, cửa sổ sử dụng cửa nhôm kính. Nền đổ bê tông đá 2x4 M250# dày 200mm. Công trình hoàn thiện sơn không bả toàn nhà.

- Hệ thống cấp điện: Cấp điện từ trạm biến áp của dự án, dây cấp điện vào Tủ điện tổng trong nhà sử dụng dây Cu/XPLE/PVC (3x70+1x50)mm². Dây dẫn cấp điện từ Tủ điện tổng để chia tới các tầng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x10mm², dây dẫn tới các ổ cắm, chiếu sáng, quạt sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x6mm², Cu/XPLE/PVC 2x4mm². Dây dẫn điện đi ngầm tường và trong ống nhựa PVC bảo vệ.

- Hệ thống thoát nước mái: Nước mưa mái được thu gom vào các ống đứng UPVC D90 để thoát vào mạng lưới thoát nước mưa ngoài nhà.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy (hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, bình chữa cháy xách tay, hệ thống đèn exit thoát hiểm): Theo thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang thẩm duyệt.

- *Công trình Nhà điều hành (Hạng mục số 04 trên bản vẽ quy hoạch TMB):*

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỠ XUẤT KHẨU”

- Kiến trúc: Nhà hình chữ nhật 02 tầng, diện tích xây dựng (18,22mx8,32m)= 151,0m², tổng diện tích sàn 302,0m² chiều cao công trình tính từ cos ±0,00 đến đỉnh mái là +8.9m (trong đó: Tầng 1 cao 3.6m, tầng 2 cao +3.6m, mái cao 1.7m); cos nền nhà hoàn thiện ±0.00 cao hơn cos đường 0,45m.

- Kết cấu: Móng cọc BTCT M250#, dầm móng BTCT kích thước 220x400mm, 220x600mm; cột BTCT 220x330mm, 220x220mm; dầm sàn kích thước 220x300, 220x400mm; sàn nhà đổ bê tông cốt thép; mái xây tườn thu hồi; xà gồ thép hình C80x40x3mm; mái lợp tôn chống nóng. Tường xây gạch vữa xi măng M75#, trát tường dày 1,5cm vữa xi măng M75#.

- Hoàn thiện: Hệ thống cửa sổ, cửa đi khung nhôm hệ kính dán an toàn dày 6,38mm. Nền lát gạch Granite 600x600; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn Ceramic 300x300, tường khu vệ sinh ốp gạch Ceramic 300x600. Công trình hoàn thiện bả matit, lăn sơn toàn nhà.

- Hệ thống cấp điện: Cấp điện từ trạm biến áp của dự án, dây cáp điện vào Tủ điện tổng trong nhà sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x10mm². Dây dẫn cấp điện từ Tủ điện tổng để chia tới các tầng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x6mm², dây dẫn tới các ổ cắm, chiếu sáng, quạt sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 2x6mm², Cu/XPLE/PVC 2x4mm². Dây dẫn điện đi ngầm tường và trong ống nhựa PVC bảo vệ.

- Hệ thống cấp nước: Cấp nước từ bể chứa nước sinh hoạt của dự án; Đường ống cấp nước lên təc sử dụng ống nhựa HDPE D50, ống PPR D50, đường ống cấp nước trực đứng từ təc nước xuống các khu vệ sinh sử dụng ống nhựa PPR D50, D21.

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải các khu vệ sinh được thoát bằng ống UPVC D90, D110 về tự hoại sau đó thoát về bể xử lý nước thải chung của dự án bằng ống UPVC D125. Nước mưa mái được thu gom vào các ống đứng UPVC D90 để thoát vào mạng lưới thoát nước mưa ngoài nhà.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy (hệ thống bình chữa cháy xách tay, hệ thống đèn exit thoát hiểm): Theo thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bắc Giang thẩm duyệt.

- Nhà ăn công nhân (Hạng mục số 05 trên bản vẽ quy hoạch TMB): Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước nhà 4,5m x17,0m; diện tích xây dựng là 76,5m²; cao 01 tầng, tổng chiều cao đến đỉnh mái 3,90m; cos nền nhà hoàn thiện cao hơn cos sân hoàn thiện là 0,20m. Kết cấu móng đơn BTCT mác 250# chịu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỠ XUẤT KHẨU”

lực kết hợp móng gạch VXM mác 75# và giằng móng BTCT M250#; xà gồ mái thép hộp 80x40x2.5, mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm. Tường xây gạch vữa XMM75#, trát tường dày 1,5cm vữa XMM75#, hoàn thiện lăn sơn. Nền lát gạch Ceramic 600x600, hệ thống cửa sổ, cửa đi khung nhôm hệ kính dán an toàn dày 6,38mm. Hệ thống cấp thoát nước, cấp điện hoàn chỉnh và đồng bộ.

Bán mái tôn Nhà ăn (Hạng mục số 06 trên bản vẽ quy hoạch TMB): Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước nhà 14,7m x14,5m; diện tích xây dựng là 213,2m²; cao 01 tầng, tổng chiều cao đến đỉnh mái 6,0m; cos nền nhà hoàn thiện bằng cos sân hoàn thiện. Kết cấu móng đơn BTCT mác 250# chịu lực; Cột thép D110x3, xà gồ mái thép hộp 80x40x2, mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm. Hệ thống cấp điện hoàn chỉnh và đồng bộ.

- *Nhà để xe (Hạng mục số 07 trên bản vẽ quy hoạch TMB):* Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước là 5,0m x16,5m; diện tích xây dựng là 82,5m²; cao 01 tầng, tổng chiều cao đến đỉnh mái 3,3m; cos nền nhà hoàn thiện bằng cos sân hoàn thiện. Kết cấu móng đơn đổ bê tông, phần thân hệ cột kèo thép hình, cột thép D110x3, kèo thép D90x2, xà gồ thép hộp 60x40x2, mái lợp tôn dày 0,4mm. Nền đổ bê tông M250# dày 200.

- *Nhà vệ sinh số 2 (Hạng mục số 09 trên bản vẽ quy hoạch TMB):* Kích thước là 3,8m x 6,0m; diện tích xây dựng: 22,8m²; chiều cao công trình tính từ cos ±0,00 đến đỉnh mái là 3,0m; cos nền nhà hoàn thiện cao hơn cos đường 0,20m; trần nhà bê tông cốt thép; tường nhà xây gạch, trát tường vữa xi măng; móng đơn BTCT mác 250#, kết hợp móng gạch và giằng móng BTCT; dầm sàn kích thước 220x300; Nền đổ bê tông đá 1x2 M200# dày 100mm, trên lát gạch Ceramic chống trơn 300x300, Tường ốp gạch Ceramic 300x600 toàn bộ nhà lăn sơn hoàn thiện 3 nước. Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ kính 6,38mm.

Nhà trực ca (Hạng mục số 10 trên bản vẽ quy hoạch TMB): Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước nhà 19,0m x11,0m; diện tích xây dựng là 209,0m²; cao 01 tầng, chiều cao công trình tính từ cos ±0,00 đến đỉnh mái là 5,7m; cos nền nhà hoàn thiện cao hơn cos đường 0,20m. Kết cấu móng đơn BTCT mác 250# kết hợp giằng móng BTCT M250# chịu lực; Cột thép D110x3, xà gồ mái thép hộp 80x40x2, mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm. Tường xây gạch vữa XMM75# cao 2,8m, trát tường dày 1,5cm vữa XMM75#, còn lại bịt tôn tới mái.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Toàn bộ nhà lãn sơn hoàn thiện 3 nước. Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ kính 6,38mm. Hệ thống cấp điện hoàn chỉnh và đồng bộ.

Nhà bảo vệ (Hạng mục số 13 trên bản vẽ quy hoạch TMB): Kích thước là 3,52m x3,52m; diện tích xây dựng: 12,4m²; chiều cao công trình tính từ cos ±0,00 đến đỉnh mái là 4.2m trong đó phần nhà cao 3.0m, phần mái cao 1.2m; cos nền nhà hoàn thiện cao hơn cos đường 0,30m; trần nhà bê tông cốt thép; tường nhà xây gạch, trát tường vữa xi măng; móng xây gạch, giằng móng BTCT; dầm sàn kích thước 220x350; xà gồ thép hình U80x40x3mm, mái lợp tôn liên doanh dày 0,4mm; Nền đổ bê tông đá 1x2 M200# dày 100mm, trên lát gạch Ceramic 500x500, toàn bộ nhà lãn sơn hoàn thiện 3 nước. Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ kính 6,38mm. Hệ thống cấp điện hoàn chỉnh đồng bộ.

- Hệ thống cấp điện: Cấp điện từ trạm biến áp của dự án, dây cáp điện vào Tủ điện tổng trong nhà sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 1x4mm². Dây dẫn tới các ổ cắm, chiếu sáng sử dụng dây Cu/XPLE/PVC 1x2,5mm². Dây dẫn điện đi ngầm tường và trong ống nhựa PVC bảo vệ.

- Hệ thống cấp nước: Cấp nước từ bể chứa nước sinh hoạt của dự án; Đường ống cấp nước lên téc sử dụng ống nhựa HDPE D50, ống PPR D50, đường ống cấp nước trực đứng từ téc nước xuống các khu vệ sinh sử dụng ống nhựa PPR D50, D21.

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải các khu vệ sinh được thoát bằng ống UPVC D90, D110 về tự hoại sau đó thoát về bể xử lý nước thải chung của dự án bằng ống UPVC D125. Nước mưa mái được thu gom vào các ống đứng UPVC D90 để thoát vào mạng lưới thoát nước mưa ngoài nhà.

Các công trình phụ trợ:

- Cấp điện: Gồm Trạm biến áp và hệ thống đường dây cáp ngầm 0.4kv cấp điện từ Trạm biến áp đến các công trình thuộc dự án. Trước khi thực hiện xây dựng Chủ đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận, xin phép đấu nối với ngành điện lực theo đúng quy định của pháp luật.

- Hệ thống cấp nước: Nguồn nước cấp cho dự án được đấu nối từ hệ thống đường ống phân phối của nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang trên địa bàn xã Mỹ Thái cấp tới bể chứa rồi từ bể chứa cấp tới các hạng mục sử dụng bằng máy bơm qua đường ống HDPE D50.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng rãnh thoát nước B400 thoát ra hệ thống cống thoát nước mưa của khu vực. Kết cấu lớp móng bê tông M250# dày 10cm, thành rãnh xây gạch vữa XMM75#. Trát thành dày 1,5cm, lán đáy dày 1cm vữa XM M75#. Nắp đáy tấm đan BTCT M250# dày 8cm.

- Hệ thống thoát nước thải: Toàn bộ nước thải của dự án được thu về bể xử lý nước thải tập trung của dự án, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực bằng hệ thống ống HDPE D300 kết hợp hố ga thăm nước thải; đấu nối thoát nước với hố ga thoát nước hiện trạng.

- Bể ngấm xử lý nước thải sinh hoạt (Bể tự hoại- 3 ngăn): Bể có khối tích $(4,0 \times 3,0 \times 2,0) = 24,0 \text{m}^3$ (bể ngấm); Kết cấu đáy bê tông lót M150# dày 10cm; lớp móng BTCT M250# dày 15cm; thành xây gạch vữa xi măng M100#. Trát tường dày 1,5cm vữa xi măng M75#, đánh màu dày 1cm xi măng nguyên chất, đáy lán vữa xi măng M100# dày 3cm; nắp đáy BTCT M200# dày 8cm.

- Sân đường giao thông nội bộ chiều rộng đường 7,0m; 3,5m và 12,0m, đường đổ bê tông đá 2x4 mác 250# dày 20cm.

- Cống, tường rào: Kết cấu móng, tường xây gạch VXM M75#; Chân tường 220 xây cao 45cm, phía trên tường xây 110 cao 1,95m. Tường rào được xây bổ trụ gạch 330x330 mỗi trụ cách nhau 3,0m. Tường trát 2 mặt VXM mác 75# dày 1,5cm. Cống xây trụ gạch, cánh cống thép hộp bít tôn. Hoàn thiện sơn trực tiếp không bả.

Công trình đã được thẩm duyệt về thiết kế phòng cháy và chữa cháy và được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 3018/TD-PCCC ngày 17/09/2020 của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH-Công an tỉnh Bắc Giang;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

**CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

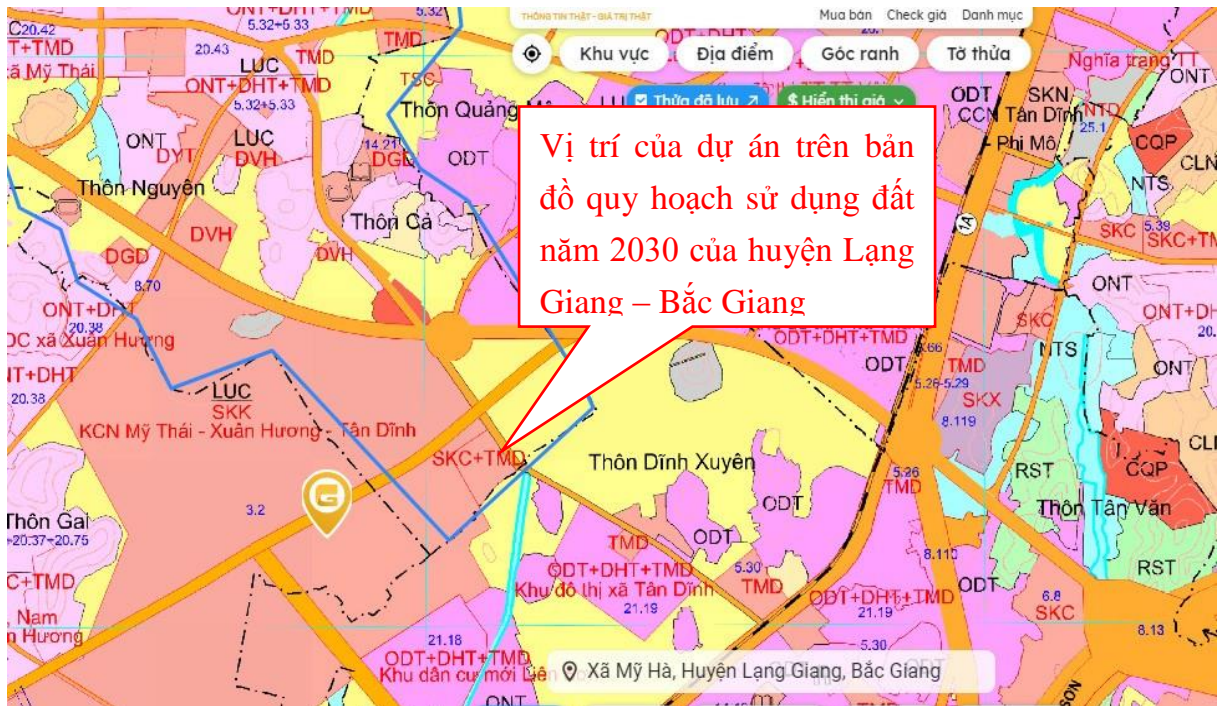
* Sự phù hợp của dự án với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu” của Công ty TNHH Xây dựng và Kỹ thuật hạ tầng Gia Phát phù hợp với quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phù hợp với Quy hoạch tại Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND huyện Tân Yên về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang đến năm 2040 tỷ lệ 1/5.000. Cụ thể

Khu vực sản xuất phi nông nghiệp:

+ Chế biến nông, lâm sản (chế biến rau, hoa quả, gỗ, nấm.... sản xuất phân bón từ phụ phẩm nông nghiệp); phát triển các ngành mới, có tiềm năng, triển vọng, đặc biệt là các ngành có sản phẩm thân thiện với môi trường, chế biến các sản phẩm nông, lâm sản; Phát triển ngành may mặc theo hướng hiện đại, mở rộng quy mô, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm



2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Hoạt động của dự án phát sinh nước thải với lưu lượng tối đa khoảng 30 m³/ngày.đêm (tính theo công suất thiết kế hệ thống xử lý), sau khi xử lý cục bộ tại các bể tự hoại của mỗi khu, nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B sau đó xả ra hệ thống mương của khu vực.

Đối với môi trường không khí: Hiện trạng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án tương đối tốt theo kết quả đo đạc môi trường nền.

Khi dự án đi vào hoạt động, khí thải sẽ được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn xả thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Trong quá trình hoạt động của dự án có phát sinh chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt, vụn gỗ, bao bì carton,... được thu gom triệt để và lưu trữ thuê đơn vị có chức năng đến vận chuyển xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang những năm gần đây thì hiện trạng môi trường khu vực dự án không có các thành phần ô nhiễm nghiêm trọng, cũng như sự cố môi trường nào trên khu vực, chất lượng môi trường nước, môi trường không khí cơ bản đảm bảo QCVN. Do đó, khi dự án đi vào hoạt động tác động đến môi trường không khí và môi trường nước là không đáng kể vẫn đáp ứng được sức chịu tải môi trường tại khu vực. Điều đó cho thấy hiện trạng môi trường tự nhiên tương đối ổn định, chưa có sự biến đổi theo chiều hướng tiêu cực.

Nhận xét về tính nhạy cảm môi trường và đánh giá sơ bộ về sức chịu tải của môi trường:

- Khu vực thực hiện dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, khả năng thoát nước thuận lợi.

- Dự án nằm trong vùng có điều kiện khí tượng ổn định, chưa có hiện tượng ngập lụt, lũ quét, sạt lở, ... bất thường đáng kể nào xảy ra. Do đó Dự án không nằm trong khu vực nhạy cảm về môi trường.

Sức chịu tải của môi trường khu vực dự án: Qua các kết quả phân tích các thành phần môi trường vật lý và những phân tích, đánh giá tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho thấy: Môi trường nền khu vực dự án hiện đang ở trạng thái bình thường, chưa có sự can thiệp của các tác nhân gây ô nhiễm. Theo nhận định sơ bộ thì sức chịu tải của môi trường khu vực dự án còn tương đối tốt.

Dự án “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu” tại thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang. Hiện trạng khu đất thực hiện dự án đã được giải phóng mặt bằng và đang xây dựng các hạng mục công trình. Do đó, hiện trạng tài nguyên sinh học ở đây không còn đa dạng. Đối với khu vực dự án, hiện trạng tài nguyên sinh học ở đây cũng không có tính đa dạng sinh học cao. Khu vực thực hiện dự án không có các loài động vật hoang dã, các loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu có trong vùng bị tác động do dự án.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Hiện nay, chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về đặc điểm sinh thái và tính đa dạng sinh học tại khu vực Dự án. Tuy nhiên qua khảo sát thực tế, đoàn khảo sát có một số đánh giá như sau:

- Thảm thực vật tự nhiên chủ yếu là lúa, thảm cỏ và cây bụi, thành phần khá nghèo nàn,...

- Đối với hệ động vật chủ yếu là một số loài gặm nhấm, một số loài thân mềm, thân đốt, bò sát. Tuy nhiên các loài động vật này không thuộc loại động vật quý hiếm và không có giá trị bảo tồn.

(Nguồn: Khảo sát thực tế do chủ đầu tư và đơn vị tư vấn thực hiện)

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hệ thống kênh mương nội đồng. Thuộc thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang. Kết cấu mương đất, lòng rộng 1m sâu 50cm, hướng thoát nước từ Bắc xuống Nam.

Chất lượng nguồn tiếp nhận chất thải: Theo khảo sát thực tế và đánh giá chất lượng nguồn nước ở khu vực chưa có dấu hiệu ô nhiễm, đủ khả năng tiếp nhận nguồn nước thải sinh hoạt đã xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án.

Bảng 3. 1. Kết quả chất lượng môi trường không khí (KXQ 01-02-03)

Địa điểm lấy mẫu	Dự án “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu” Địa chỉ: Thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang						
Vị trí lấy mẫu	-KXQ ₀₁ : Lấy tại khu vực cổng ra vào dự án, lần 1 vào lúc 08h30. Tọa độ: 29°19'13,03"N; 106°01,45"E -KXQ ₀₂ : Lấy tại khu vực phía Tây Bắc của dự án, lần 2 vào lúc 10h00. Tọa độ: 29°19'13,03"N; 106°01,45"E -KXQ ₀₃ : Lấy tại khu vực phía Tây Bắc của dự án, lần 3 vào lúc 13h30. Tọa độ: 29°19'13,03"N; 106°01,45"E						
Ngày lấy mẫu: 26/3/2024	Ngày phân tích: 26-29/3/2024						
TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh	Kết quả			Phương pháp thử
				KXQ ₀₁	KXQ ₀₂	KXQ ₀₃	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỠ XUẤT KHẨU”

1	Nhiệt độ	°C	-	29,6	30,2	32,5	QCVN 46:2012/BTNMT	
2	Độ ẩm	%	-	68,4	66,9	65,6	QCVN 46:2012/BTNMT	
3	Vận tốc gió	m/s	-	0,6	0,7	0,8	QCVN 46:2012/BTNMT	
4	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/Nm ³	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	300	75,16	79,49	75,88	TCVN 5067: 1995
5	SO ₂	µg/Nm ³		350	54,73	50,12	56,03	TCVN 5971: 1995
6	NO ₂	µg/Nm ³		200	33,11	36,57	36,9	TCVN 6137: 2009
7	CO	µg/Nm ³		30.000	3217	3041	3514	BG-HDPT
8	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26:2010/BTNMT	70	63.13	63,0	63,57	TCVN 7878-2:2018

Ghi chú: (-): Không quy định.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Bảng 3. 2. Kết quả chất lượng môi trường không khí (KXQ 04-05-06)

Địa điểm lấy mẫu		Dự án “Xây dựng nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu” Địa chỉ: Thôn Cỏ, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang					
Vị trí lấy mẫu		<p>-KXQ₀₄: Lấy tại tại đường giao thông nội bộ trong dự án, lần 1 vào lúc 09h15. Tọa độ: 29°19’09,78”N; 106°14’58,03”E</p> <p>-KXQ₀₅: Lấy tại khu vực phía Đông Nam của dự án, lần 2 vào lúc 10h45. Tọa độ: 29°19’09,78”N; 106°14’58,03”E</p> <p>-KXQ₀₆: Lấy tại khu vực phía Đông Nam của dự án, lần 3 vào lúc 14h20. Tọa độ: 29°19’09,78”N; 106°14’58,03”E</p>					
Ngày lấy mẫu:		Ngày phân tích: 26-29/3/2024 26/3/2024					
TT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh	Kết quả			Phương pháp thử
				KXQ ₀₁	KXQ ₀₂	KXQ ₀₃	

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”*

	phân tích							
1	Nhiệt độ	°C	-	29,4	30,1	32,1	QCVN 46:2012/BTNMT	
2	Độ ẩm	%	-	66,8	66,9	69,9	QCVN 46:2012/BTNMT	
3	Vận tốc gió	m/s	-	0,8	1,0	1,2	QCVN 46:2012/BTNMT	
4	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	µg/Nm ³	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)	300	70,93	66,92	75,78	TCVN 5067: 1995
5	SO ₂	µg/Nm ³		350	51,32	57,55	50,51	TCVN 5971: 1995
6	NO ₂	µg/Nm ³		200	27,01	29,12	29,35	TCVN 6137: 2009
7	CO	µg/Nm ³		30.000	2205	2535	2850	BG-HDPT
8	Tiếng ồn	dBA	QCVN 26:2010/BTNMT	70	62,17	60,5	58,37	TCVN 7878-2:2018

Ghi chú: (-): Không quy định.

QCVN 05: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang, 2024)

Nhận xét: Kết quả đo, phân tích mẫu khí xung quanh tại các thời điểm quan trắc nêu trên cho thấy: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ) và QCVN 26:2010/BTNMT.

CHƯƠNG IV.

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

1.1. Về công trình biện pháp xử lý nước thải

1.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường: Ước tính vào thời điểm tối đa khoảng 20 công nhân, lượng nước thải phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ sinh học dễ phân hủy, vi khuẩn...

Để đảm bảo nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong quá trình thi công xây dựng không gây tác động xấu đến chất lượng môi trường, chủ dự án sẽ thực hiện một số các biện pháp sau:

Bố trí 2 nhà vệ sinh di động với kích thước mỗi nhà vệ sinh 2980x3100x1900mm trong khu vực thi công để xử lý lượng nước thải và phân thải ra từ quá trình sinh hoạt của công nhân tại công trường, sử dụng hầm tự hoại bằng composite, thể tích chứa 1m³/bể. Sau một thời gian sử dụng thì lượng bùn cặn và nước thải được hợp đồng hút bằng thiết bị chuyên dụng và đem đi xử lý. Chủ dự án sẽ kết hợp với đơn vị thi công tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, tiến hành thu gom định kỳ cho tới khi hoàn thành giai đoạn xây dựng.

Quy định nội quy cho công nhân tại công trường không được phóng uế bừa bãi tại công trường xây dựng.

1.1.2. Đối với nước thải từ quá trình xây dựng

Trong thời gian thi công xây dựng dự án, nước thải từ quá trình rửa các bánh xe ra vào công trường dự án, sẽ được chủ đầu tư tập trung vào hố chứa tạm thời ngay cổng ra vào dự án nhằm lắng đất, cát, cặn bẩn. Vì tính chất của nước thải này ít ô nhiễm nên chủ dự án sẽ dùng nước này để phun tưới ẩm tại công trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

1.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Ước tính khoảng 10kg/ngày, chủ yếu là thức ăn dư thừa, rác vô cơ, vỏ chai, hộp đựng thức ăn,...

Các biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn sinh hoạt bao gồm:

- Trang bị các thùng chứa rác có nắp đậy với dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của công nhân. Bố trí khu vực lưu chứa chất thải tạm thời có diện tích 10m² gần khu vực tập kết nguyên vật liệu của dự án.

- Nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi trên công trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định

1.2.2. Chất thải rắn xây dựng

Chất thải xây dựng: Ước tính khoảng 56kg/tháng, bao gồm sắt thép vụn, bao bì xi măng, nhựa vụn....

Đối với các loại có thể tái chế sử dụng như vụn sắt thép, bao bì xi măng,... sẽ được tập trung trong khu vực lưu chứa tạm thời của công trường có diện tích 15m² và sẽ được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

Các thành phần còn lại được tập trung lại, hợp đồng thu gom, vận chuyển đến bãi rác để xử lý theo quy định. Trong quá trình thi công, tùy thuộc vào chất lượng phát sinh hàng ngày, hàng tháng để có biện pháp thu gom, vận chuyển sớm, tránh tình trạng ùn tắc và chiếm diện tích trên công trường.

1.2.3. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại của Dự án phát sinh khoảng 30kg/tháng như dầu nhớt đã qua sử dụng, giẻ lau dính dầu, bóng đèn, hộp mực in, thùng chứa dầu nhớt,... được phân loại và thu gom vào các thùng có nắp đậy dung tích 50 lít, đối với dầu nhớt thải thu gom vào thùng phuy 100 lít có nắp đậy và chứa vào khu vực lưu chứa chất thải tạm thời của công trường có diện tích 10m².

Khu vực lưu chứa có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn đảm bảo kín, khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy, có mái che kín nắng, mưa cho

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, có dán các bảng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải.

Dự án thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi và khí thải

Chủ dự án sẽ phối hợp cùng đơn vị thi công thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Xây dựng tường rào chắn kín xung quanh khu vực thi công, để hạn chế bụi phát sinh từ quá trình thi công theo gió phân tán ra khu vực xung quanh.

- Bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng.

- Tổ chức tưới nước thường xuyên qua khu vực công ra vào dự án, phun xịt nước tại khu vực sân bãi tập kết nguyên vật liệu, khu vực thi công nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh tại khu vực này.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng như cát, sỏi, xi măng,... được phủ kín trong quá trình vận chuyển. Yêu cầu các phương tiện giảm tốc độ khi di chuyển trong khu vực thi công, tắt máy trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu.

- Không được đốt thành phần chất thải phát sinh từ hoạt động thi công của Dự án.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân để hạn chế ảnh hưởng của bụi và khí thải.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện;

+ Các máy móc, thiết bị thi công có xuất xứ kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

+ Thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu mỡ bôi trơn trong quá trình sử dụng các máy móc, thiết bị tại công trường.

+ Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong công trường. Đồng thời, giám sát chặt chẽ và nhắc nhở việc thực hiện các nội quy về an toàn lao động của tất cả công nhân.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án là $9,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải của mỗi khu vệ sinh được thoát bằng ống UPVC D90, D110 về bể tự hoại sau đó thoát về bể xử lý nước thải chung của dự án bằng ống UPVC D300

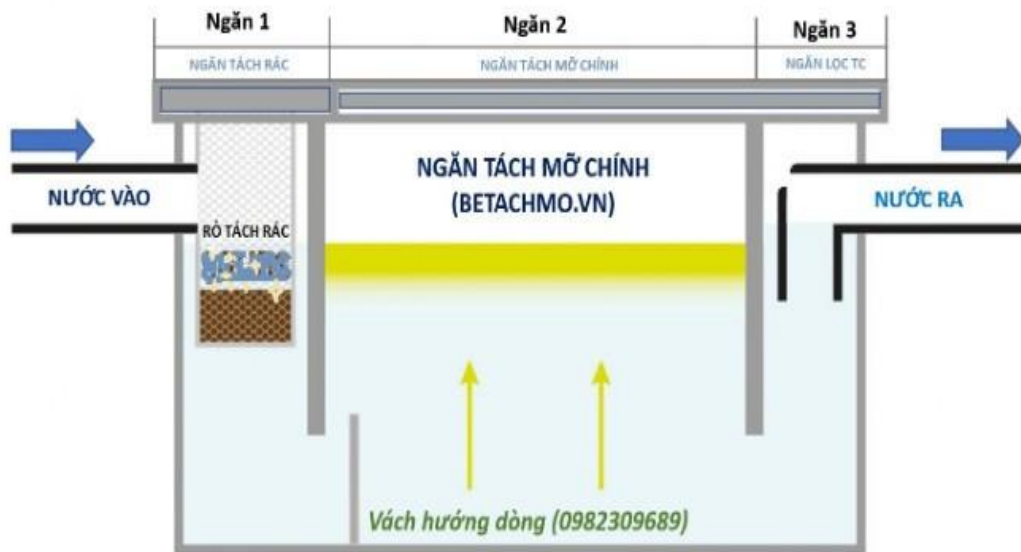
+ Nước thải sinh hoạt nhà ăn được thu vào ống PVC D110 dẫn về bể tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ sau đó đầu hồ ga thu gom nước thải sinh hoạt dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án.

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh nằm trong các khu vực sản xuất và văn phòng: Nước thải đen từ các khu nhà vệ sinh được thu gom xuống bể tự hoại 3 ngăn của mỗi khu (7 bể tự hoại) để xử lý sơ bộ. Sau đó, theo ống nhánh UPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án (*công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$*).

- Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

+ *Nước thải nhà bếp:*

Đối với nước thải từ nhà bếp có chứa nhiều dầu mỡ, cần phải xử lý sơ bộ tách lớp mỡ trước khi đi vào hệ thống xử lý, nhằm giảm thiểu khả năng gây tắc đường ống, hỏng thiết bị như bơm và giảm hiệu quả của hệ thống xử lý.



Hình 4. 1. Sơ đồ bể tách dầu 3 ngăn (4m³)

Nước thải từ bếp ăn công ty có chứa một lượng dầu, mỡ tương đối lớn sẽ được đưa vào **ngăn chứa thứ nhất** thông qua sọt rác được thiết kế bên trong, cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác...có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi **sang ngăn thứ hai**, ở đây thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước.

Còn phần nước trong sau khi mỡ và dầu đã tách ra lại tiếp tục đi xuống đáy bể và chảy ra ngoài. Lớp dầu mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ chúng ta xả van để loại bỏ lớp dầu mỡ. Nước thải sau bể tách dầu mỡ sẽ được đưa về khu xử lý nước thải sinh hoạt của công ty.

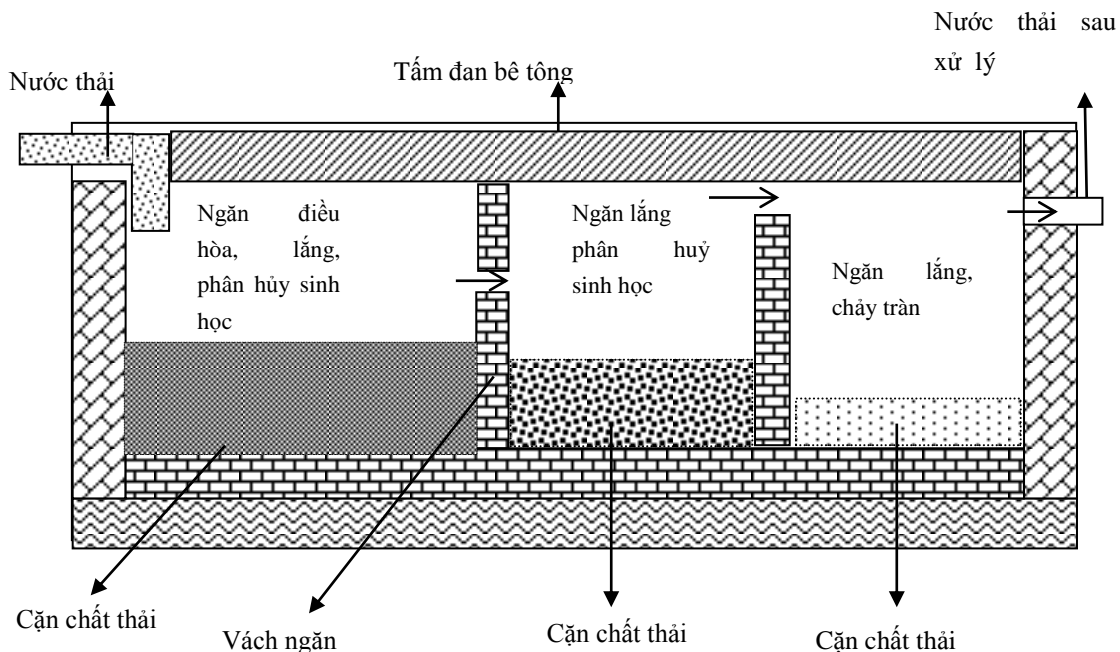
Bể có thể tích 4m³. Xây gạch đặc 220 VXM 75#, đáy bể đổ BTCT mác 200 dày 150mm, nắp bể đổ BTCT mác 200 dày 100mm; Lòng bể trát vữa XM 100# dày 25mm, thành bể trát làm hai lần, lần 1 VXM 75# dày 15mm, lần 2 VXM 75# dày 10mm, bên trong bể đánh lớp xi măng và sơn chống ăn mòn.

+ *Nước thải nhà vệ sinh:*

Đối với nước thải tại nhà vệ sinh gồm: Phân, nước tiểu, nước rửa được đưa xuống bể phốt 3 ngăn để xử lý xử bộ. Tại đây diễn ra quá trình: Lắng cặn, tạp chất và phân hủy các chất thải trong điều kiện yếm khí, làm giảm đáng kể lượng chất hữu cơ dạng cacbon. Nước sau bể phốt đi vào hệ thống xử lý sinh học.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỠ XUẤT KHẨU”

Nước thải từ bể xí được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn trước khi đi vào HTXLNT chung của dự án.



Hình 4. 2. Sơ đồ bể phốt 3 ngăn

Thuyết minh bể tự hoại:

Bể tự hoại nằm dưới mặt đất, có dạng hình chữ nhật, được chia làm 3 ngăn: ngăn 1, 2 lắng và phân hủy sinh học; ngăn 3 chảy tràn.

Hoạt động của bể tự hoại thực chất là xử lý nước thải sinh hoạt bằng phương pháp sinh học kỵ khí. Các chất hữu cơ hòa tan bị vi sinh vật phân hủy trong điều kiện kỵ khí, còn các chất hữu cơ không tan sẽ được lắng xuống đáy bể do nước thải được lưu lại tại các ngăn.

Bể có khối tích $(4,0 \times 3,0 \times 2,0) = 24,0 \text{ m}^3$ (bể ngầm); Kết cấu đáy bê tông lót M150# dày 10cm; lớp móng BTCT M250# dày 15cm; thành xây gạch vữa xi măng M100#. Trát tường dày 1,5cm vữa xi măng M75#, đánh màu dày 1cm xi măng nguyên chất, đáy lắng vữa xi măng M100# dày 3cm; nắp đậy BTCT M200# dày 8cm.

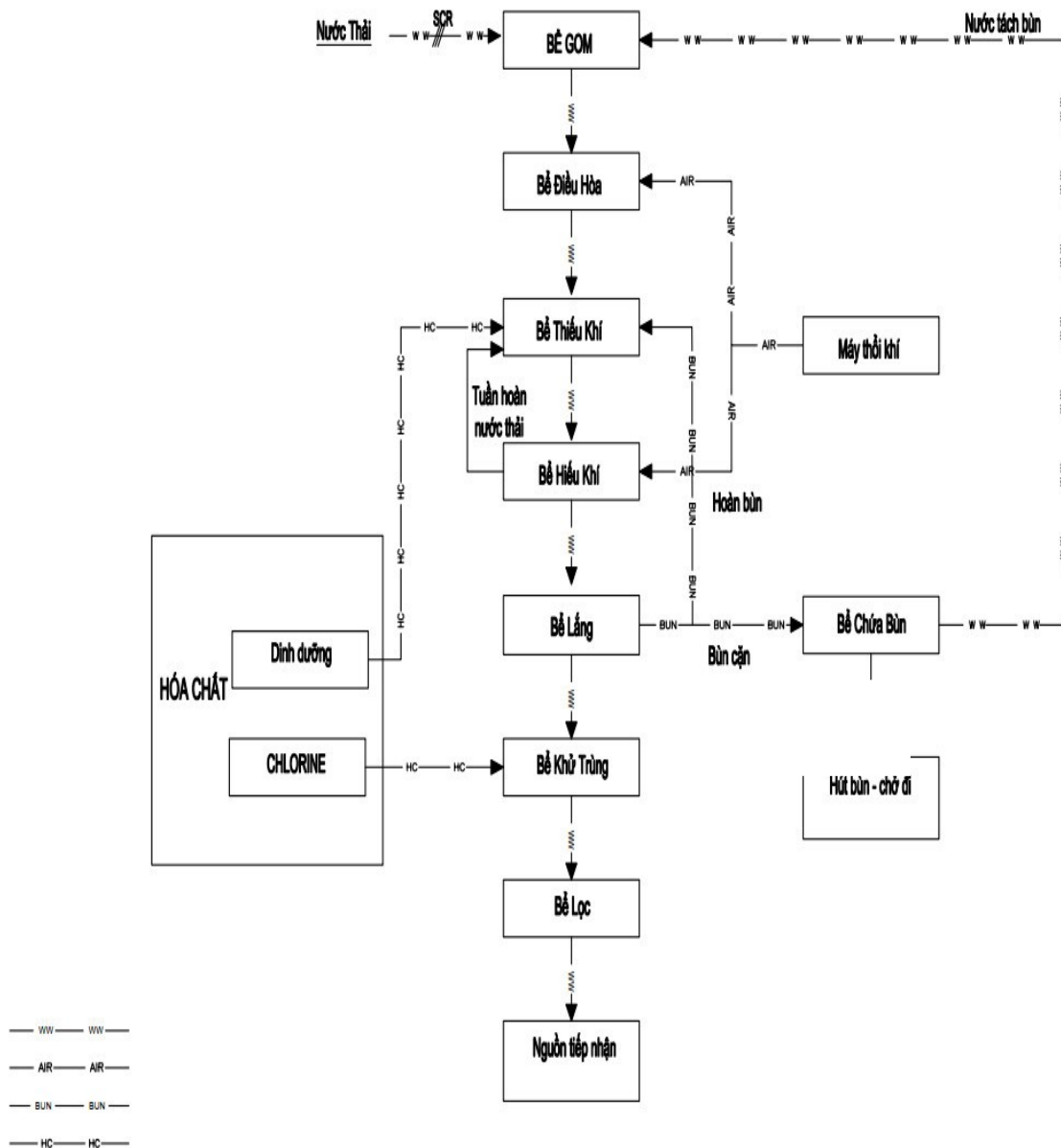
Vị trí cụ thể của bể tự hoại được thể hiện trong bản vẽ mặt bằng thoát nước thải nhà máy - đính kèm trong phụ lục báo cáo.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Trong quá trình vận hành bể, định kỳ (6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh (EM) vào bể tự hoại. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước thải. Định kỳ 6 tháng/lần, chủ dự án thuê đơn vị chức năng hút bùn cặn, để tăng khả năng xử lý của bể.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Chủ dự án đề xuất sử dụng công nghệ sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý được thể hiện trong hình sau:



Hình 4. 3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 30m³/ngày đêm

***Thuyết minh quy trình công nghệ**

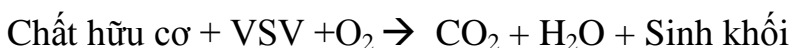
Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của dự án sẽ được dẫn về **bể thu gom** tại hệ thống xử lý nước thải tập trung qua song chắn rác.

Bể thu gom tập trung toàn bộ nước nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt hàng ngày thành một nguồn nhất định, bể thu gom chia làm 3 ngăn nhằm lắng cát và tách dầu mỡ. Phần nước sau tách cặn và tách váng nổi nhằm gạt bỏ dầu mỡ và các phần tử cặn lơ lửng có tỉ trọng nhỏ hơn nước thải. Sau đó nước thải được bơm vào bể điều hòa. Tại đây có thiết bị đo PH và hóa chất để trung hòa nếu pH không đạt ngưỡng cho phép.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế độ làm việc ổn định và liên tục cho các công trình xử lý phía sau, tránh hiện tượng hệ thống xử lý bị quá tải. Đồng thời làm giảm 20 – 30 % BOD, COD trong nước thải. Ngoài ra tại bể điều hòa cho nước thải tạo điều kiện tốt cho quá trình xử lý sinh học MBBR công đoạn sau. Nước Giặt cũng cho thẳng vào bể điều hòa, tại đây có thiết bị đo PH online và bơm định lượng hóa chất sẽ tự động châm Axit nếu thiết bị đo báo ngoài ngưỡng quy định.

Tại bể Anoxic môi trường thiếu khí được hình thành nhờ vào quá trình đảo trộn của máy khuấy chìm, tạo điều kiện cho vi sinh vật thiếu khí khử Nitrate – Nitrogen thành khí N₂, N₂O, NO. Ngoài khả năng khử Nitrogen bể Anoxic còn có khả năng khử một phần COD trước khi đưa vào bể sinh học MBBR

Tại **bể MBBR** các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiếu khí nhờ O₂ cấp vào, vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất. Để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đủ cho vi sinh vật tồn tại, phát triển. Oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24, còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ (Nếu như nồng độ chất dinh dưỡng trong nước thải không đủ). Chất hữu cơ trong nước thải sẽ được các vi sinh vật hiếu khí trong ngăn sinh học được tiêu thụ theo phương trình sau:



Trong bể sinh học MBBR còn được lắp đặt hệ thống giá thể nhằm làm nơi “cư trú” cho các vi sinh vật có lợi phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Nước sau khi ra khỏi bể sinh học, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%. Sau khi đã được xử lý sinh học trong bể sinh học hiếu khí, nước thải cùng với bùn hoạt tính sẽ chảy vào bể lắng sinh học.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Nước thải được đưa vào **bể lắng sinh học**, quá trình lắng trọng lực xảy ra, bùn hoạt tính lắng xuống đáy bể, phần nước trong qua máng răng cưa sẽ được dẫn qua **bể khử trùng** Nước thải tiếp tục được bơm định lượng châm chlorine vào đường ống nhằm khử mầm bệnh vi sinh, coliform có trong nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường, đảm bảo nước đầu ra đạt **QCVN 14:2008/BTNMT Cột B**.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Bảng 3. 3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước các bể			Vật liệu hoàn thiện
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
1	Bể tách mỡ 03 ngăn (dung tích 4m ³)	1				Đặt tại khu vực nhà ăn
	Kích thước ngăn 1		0,9	0,98	1,3	Nắp đậy tấm đan BTCT
	Kích thước ngăn 2		0,9	0,98	1,3	Tường gạch M110, bên trong sơn chống thấm
	Kích thước ngăn 3		0,76	0,98	1,3	Đáy đổ BTCT
2	Bể gom	1	1,38	1,48	1,75	Tường gạch M110, bên trong sơn chống thấm Đáy đổ BTCT
3	Bể điều hòa	1	2,4	2,56	2,7	Nắp đổ BTCT
4	Bể thiếu khí (Anoxic)	1	1,53	2,56	2,7	Ga thăm đậy tấm đan BTCT
5	Bể hiếu khí (Aeroten)	1	3	2,56	2,7	Tường bao gạch M220, vách ngăn gạch M110, bên trong sơn chống thấm
6	Bể lắng sinh học	1	1,5	1,4	2,7	Đáy đổ BTCT

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước các bể			Vật liệu hoàn thiện
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	
7	Bể khử trùng	1	1,5	1,05	2,7	Nắp đậy tấm đan BTCT Tường gạch M110, bên trong sơn chống thấm Đáy đổ BTCT
8	Bể chứa bùn thải	1	0,78	0,78	1	Nắp đậy tấm đan BTCT Tường bao gạch M220, vách ngăn gạch M110, bên trong sơn chống thấm Đáy đổ BTCT
9	Bồn lọc áp lực	1	Kích thước: $\Phi 16 \times 65$ + Áp suất 150psi + Lưu lượng Max = $3\text{m}^3/\text{h}$			Composite
10	Nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải	1	2,78	2,48	4	Đặt trên bể điều hòa; Công trình được thiết kế cao 01 tầng với tiêu chuẩn nhà cấp IV, bậc chịu lửa bậc IV. Tường xây gạch đặc 110; trát xi măng chống thấm;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

***Kết cấu của hệ thống xử lý nước thải**

Hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) được xây ngầm dưới đất. Chiều sâu của HTXLNT là 3m. Nền BTCT lót móng mác 100#, dày 1000mm; Bê tông mác 300#, đá 1x2, vữa trát láng mác 75#, dày 20mm. Tường xây gạch chỉ đặc mác 75#, vữa xi măng mác 50#. Sử dụng chống thấm thành bể và đáy bể bằng vữa Sika.

Bảng 4. 1. Các thông số kỹ thuật của thiết bị

STT	Hạng mục công việc	Đơn Vị	Số Lượng
B	Phần Thiết Bị		
I	Bể Gom		
1	Bơm bể gom - bể điều hòa - Công suất motor: P = 0,2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 4-8 m3/h. - Cột áp: H =3-6 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan..	Chiếc	2
2	Phụ kiện bơm - Phao điện báo mức nước - Van đồng 1 chiều - Bích nối, Van khóa, Nối ren trong, nối ren ngoài..... - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
3	Song chắn rác - Kích thước 400x400x400 - Vật liệu Inox 304	Bộ	1
4	Đồng hồ đo lưu lượng - Kích thước DN50 - Chủng loại đồng hồ cơ - Xuất xứ: Malayxia	cái	1
II	Bể Điều hòa		
1	Bơm nước thải bể điều hòa - Công suất motor: P = 0,2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 4-8 m3/h. - Cột áp: H =3-6 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan..	Chiếc	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

2	Phụ kiện bơm - Phao điện báo mức nước - Van đồng 1 chiều - Bích nối, Van khóa, Nối ren trong, nối ren ngoài..... - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
3	Đĩa phân phối khí bể điều hòa, loại bọt thô - Lưu lượng: 1,5-8 m ³ /h - Kích thước D=168mm - Vật liệu màng: EPDM	Chiếc	12
4	Phụ kiện đĩa phân phối khí bể điều hòa - Ống PVC/C2 D60 - T D60-27, nối ren trong D27 - Cùm đàn khí - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
III	BỂ Anoxic		
1	Máy bơm khuấy chìm - Công suất motor: P = 0,375 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 6-12 m ³ /h. - Cột áp: H =8-9 mH ₂ O. - Xuất xứ: Taiwan.	Chiếc	2
2	Phụ kiện máy khuấy - Vật liệu : Inox 304 - Kích thước: 50mmx50mmx3m - Xích 3m	bộ	1
IV	BỂ MBBR		
1	Máy thổi khí cạn - Công suất motor: P = 2.2kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: Q =1,28 m ³ /phút - Cột áp: H = 4 mH ₂ O. -Kích thước ống ra : DN50mm Xuất xứ: Taiwan.	Chiếc	2
2	Đệm vi sinh dạng cầu - Loại D 100 mm - Bề mặt riêng: 210 - 230 m ² /m ³ . - Áp suất làm việc 1-3 bar - Xuất xứ: Việt Nam	m ³	15

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

3	Đĩa phân phối khí bề hiệu khí, loại bọt mịn - Lưu lượng: 1,5-8 m3/h - Kích thước D=268mm - Vật liệu màng: EPDM	Chiếc	14
4	Phụ kiện đĩa phân phối khí bề điều hòa - Ống PVC/C2 D60 - T D60-27, nổi ren trong D27 - Cùm đàn khí - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
5	Bơm nước tuần hoàn - Công suất motor: P = 0,2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 4-8 m3/h. - Cột áp: H =3-6 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan..	Chiếc	2
6	Phụ kiện bơm - Bích nối, Van khóa, Nối ren trong, nối ren ngoài..... - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
V	Bể lắng		
1	Bơm bùn tuần hoàn + bùn thải - Công suất motor: P = 0,2 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 4-8 m3/h. - Cột áp: H =3-6 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan..	Chiếc	1
2	Phụ kiện bơm - Bích nối, Van khóa, Nối ren trong, nối ren ngoài..... - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
3	Cơ cấu lắng đứng - Ống phân phối trung tâm - Máng thu nước kết hợp với tách váng - Toàn bộ Inox 304 dày 1,5 ly - Nhà chế tạo: Đất Việt - Xuất xứ: Việt Nam	Hệ thống	1
VI	Bể khử trùng		
1	Bơm định lượng - Lưu lượng Q= 50 lít/giờ, H=7bar - Công suất: 0.045Kw - Dòng điện: 220V/1phase/50Hz	cái	2
C	Hệ Thống điện điều khiển và điện động lực		

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

1	Hệ thống điện điều khiển và điện động lực: - Bao gồm: Tủ điện điều khiển , dây điều khiển... - Xuất xứ: Liên doanh - Việt Nam. - Thiết bị điều khiển trong tủ điện: Idec - Nhật, LS- Hàn Quốc	HT	1
2	Đường dây công nghệ - Dây cáp điện, máng cáp và phụ kiện lắp đặt đến từ thiết bị trong công trình - Xuất xứ: Việt Nam	HT	1
D	Hệ thống đường ống, van, phụ kiện		
1	Hệ thống đường ống, van, phụ kiện đường nước, bùn và nước tuần hoàn Hệ thống đường ống nước/bùn: - Bao gồm: PVC-C2 và các phụ kiện kèm theo..... - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
2	Hệ thống đường ống, van, phụ kiện đường khí Hệ thống đường ống khí: - Bao gồm: ống Thép mạ kẽm/PVC-C2 và các phụ kiện kèm theo - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1

* Đối với nước thải sản xuất:

- Nước thải sản xuất (dung dịch nước vôi trong) là nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu có hàm lượng TSS cao. Lượng nước sử dụng khoảng 1,5m³ và được sử dụng tuần hoàn. Dung dịch nước vôi trong được tuần hoàn sử dụng, định kỳ tùy theo tình hình sản xuất công ty bổ sung thêm dung dịch nước vôi trong và định kỳ 6 tháng 1 lần tiến hành vệ sinh tháp và thay thế lượng nước này. Nước thải phát sinh từ quá trình này được thu gom như chất thải nguy hại với lượng thải khoảng 1,5m³/lần. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* **Các biện pháp chung đối với nhà xưởng sản xuất:**

- Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại xưởng sản xuất: Nhà xưởng được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Trong xưởng sản xuất, không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

- Để hạn chế bụi từ các công đoạn sản xuất phát tán gây ô nhiễm môi trường làm việc trong khu vực sản xuất, Công ty thường xuyên vệ sinh khu vực nhà xưởng sạch sẽ hàng ngày.

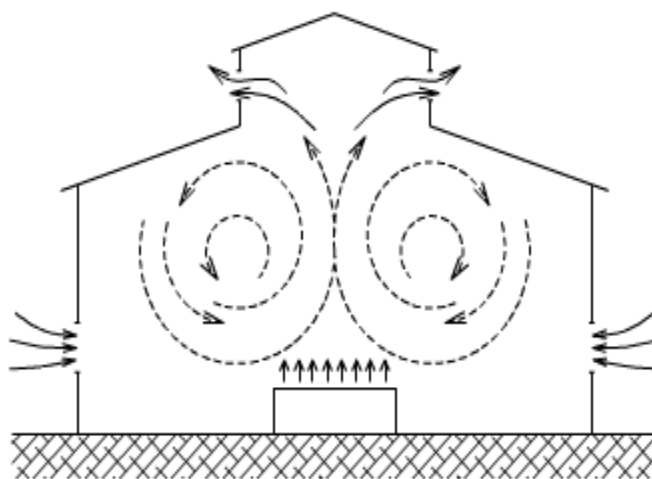
- Toàn bộ nhà xưởng đều được trang bị hệ thống thông gió; công nhân được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động để giảm thiểu ảnh hưởng của khí bụi phát sinh trong quá trình sản xuất.

Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải độc hại tại xưởng sản xuất được thực hiện qua việc thiết kế nhà xưởng, lắp đặt máy móc hợp lý và khoa học. Nhà máy đã được xây dựng phù hợp để giảm sức nóng mặt trời. Cùng với hệ thống thông gió tự nhiên (từ dưới lên) và các mô tơ thông gió, điều kiện làm việc được làm mát tốt nhất và tạo điều kiện triệt tiêu khí thải.

Ngoài việc thông gió tự nhiên công ty lắp đặt hệ thống thông gió đặc biệt cho các khu vực cần thiết. Sau đây giới thiệu các sơ đồ hệ thống thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức đã áp dụng tại nhà máy.

- Hệ thống thông gió nhà xưởng tự nhiên: thông gió nhà xưởng tự nhiên là phương pháp sử dụng sự chênh lệch về nhiệt độ, áp suất giữa bên ngoài và bên trong nhà xưởng.

Nguyên lý của phương pháp này được mô tả tại hình:



Hình 4. 4. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do có sự trao đổi không khí bên ngoài và bên trong. Các phần tử không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phần tử không khí bị dồn ép có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài nhà và thoát ra ngoài theo các cửa gió phía trên. Như vậy ở một độ cao nhất định nào đó áp suất trong phòng bằng áp suất bên ngoài, vị trí đó gọi là trung hòa.

Khi luồng gió đi qua tạo ra độ chênh lệch cột áp ở 2 phía của nhà xưởng ở phía đối diện trực tiếp với luồng gió, tốc độ dòng không khí giảm đột ngột nên áp suất tĩnh cao, có tác dụng đẩy không khí vào nhà xưởng. Ngược lại, ở phía bên kia của nhà xưởng có dòng không khí xoáy quẩn nên áp suất giảm xuống, tạo lên vùng chân không, có tác dụng hút không khí ra khỏi nhà xưởng.

2.2.1. Giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất gỗ

** Đối với công đoạn cắt cạnh:*

Chủ dự án lắp đặt các thiết bị thu hồi bụi, hạn chế bụi phát tán ra môi trường ở mức cao nhất. Bụi tại các công đoạn được thu hồi bằng quạt hút ly tâm về hệ thống lọc bụi tay áo, tại đây bụi được giữ lại sau đó công nhân đưa vào các bao chứa, chuyển về kho chứa nguyên liệu sử dụng cho đốt lò dầu tải nhiệt. Hiệu quả xử lý bụi đạt 98%.

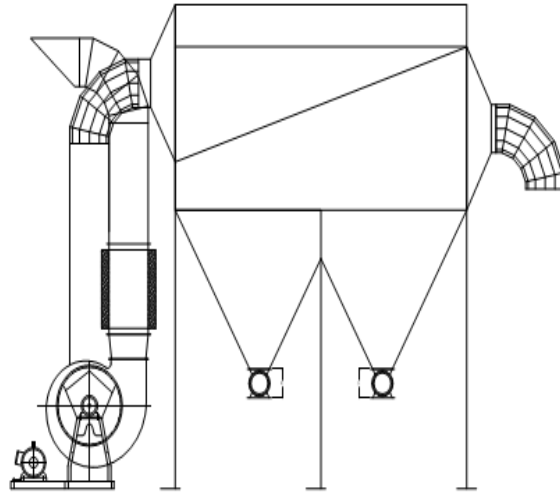


Hình 4. 5: Hình ảnh minh họa - Thiết bị xử lý bụi khâu cắt ván

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

** Đối với công đoạn chà nhám:*

Bụi được thu hồi, xử lý theo quy trình gom về hệ thống xử lý chung (thiết bị lọc bụi tay áo) đặt ở mỗi nhà xưởng. Thiết bị xử lý bụi hiện tại đảm bảo công suất xử lý cho giai đoạn vận hành, nâng công suất. Hiệu quả xử lý bụi đạt 98%. Bụi tại các công đoạn sản xuất được thu hồi về khu xử lý bụi (Nhà xưởng số 1) bằng ống dẫn Inox đường kính 30cm.



Hình 4. 6: Hình ảnh minh họa - Thiết bị xử lý bụi khâu cắt ván, đánh bóng (chà nhám)

Hiệu quả xử lý bụi trong các công đoạn sản xuất của dự án có thể tham khảo kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí tại “Xưởng gia công đồ gỗ nội thất và xuất nhập khẩu các sản phẩm đồ gỗ” của Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Đức Lâm đang sản xuất tương tự dự án. Cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

Bảng 4. 2. Kết quả phân tích mẫu khí làm việc

Địa điểm quan trắc	:	Xưởng gia công đồ gỗ nội thất và xuất nhập khẩu các sản phẩm đồ gỗ - Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Đức Lâm tại thôn 12, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang				
Loại mẫu	:	Không khí	Số lượng mẫu: 02			
Mã mẫu	:	K.231212.09-10	Tên mẫu: K1-K2			
Ngày quan trắc	:	12/12/2023	Ngày hoàn thành thử nghiệm: 28/12/2023			
Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 03:2019/BYT
				K1	K2	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN	26,7	25,8	18-32⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%	46:2012/BTNMT	72,3	70,2	40-80⁽¹⁾
3	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,371	0,292	8⁽²⁾
4	CO	mg/m ³	TCED/PT.CO	<5,1	<5,1	40
5	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,117	0,121	10
6	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,87	0,082	10

(Nguồn: Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Đức Lâm)

- Vị trí quan trắc:

+ **K1:** Khu vực cắt cạnh trong xưởng sản xuất, (Tọa độ: X: 2364489/ Y: 0424090).

+ **K2:** Khu vực trà nhám trong xưởng sản xuất, (Tọa độ: X: 2364513/ Y: 0424076).

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 03:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án
“XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GỖ XUẤT KHẨU”

+ ⁽¹⁾**QCVN 26:2016/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ ⁽²⁾**QCVN 02:2019/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

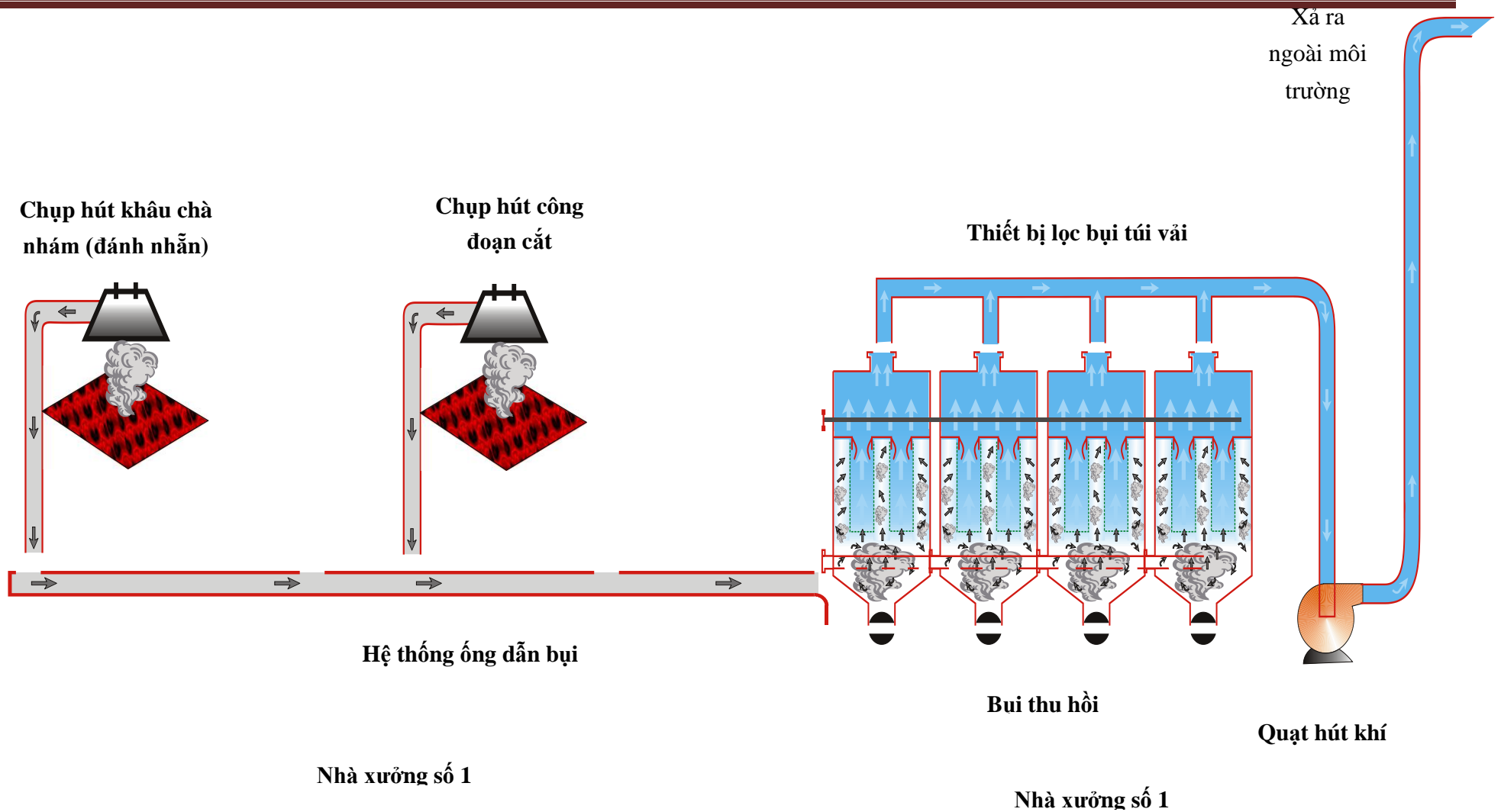
- Đơn vị lấy mẫu, phân tích: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHCN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH CÔNG

PHÒNG PHÂN TÍCH HÓA VÀ MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 298

Địa chỉ: Số 01/220 Tây Tựu - Phường Tây Tựu - Quận Bắc Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

So sánh, đối chiếu các kết quả phân tích, đánh giá môi trường không khí khu vực nhà máy có quy mô sản xuất tương tự dự án với Quy chuẩn Việt Nam cho thấy các giá trị đều trong giới hạn cho phép. Điều đó chứng tỏ hiệu quả xử lý bụi dự án lựa chọn để áp dụng rất khả thi.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”



Hình 4. 7: Sơ đồ hệ thống thu hồi bụi gỗ tại các khu vực sản xuất

Thuyết minh quy trình xử lý:

Bụi từ các công đoạn sản xuất phát sinh (cắt cạnh, chà nhám) được hút vào các thiết bị lọc bụi túi vải qua các chụp hút bụi có quạt hút cưỡng bức. Toàn bộ lượng bụi gỗ được giữ lại ở các túi vải, không khí sạch thải ra ngoài môi trường qua ống khói. Bụi trong khí thải ra ngoài môi trường đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT.

- Hiệu suất hút lọc bụi: 99,8%;
- Chụp hút: Thu hồi bụi tại các điểm phát tán bụi;
- Hệ ống hút: Dẫn dòng khí có nồng độ bụi cao về thiết bị lọc bụi;
- Thiết bị lọc bụi: Lọc bụi và dẫn dòng khí sạch thải ra môi trường;
- Ống khói: 5 m
- Quạt hút: Tạo áp lực âm trên toàn hệ thống để thu hồi khí bụi tại các

điểm phát thải bụi.

b.2. Bụi, khí thải từ lò dầu tải nhiệt

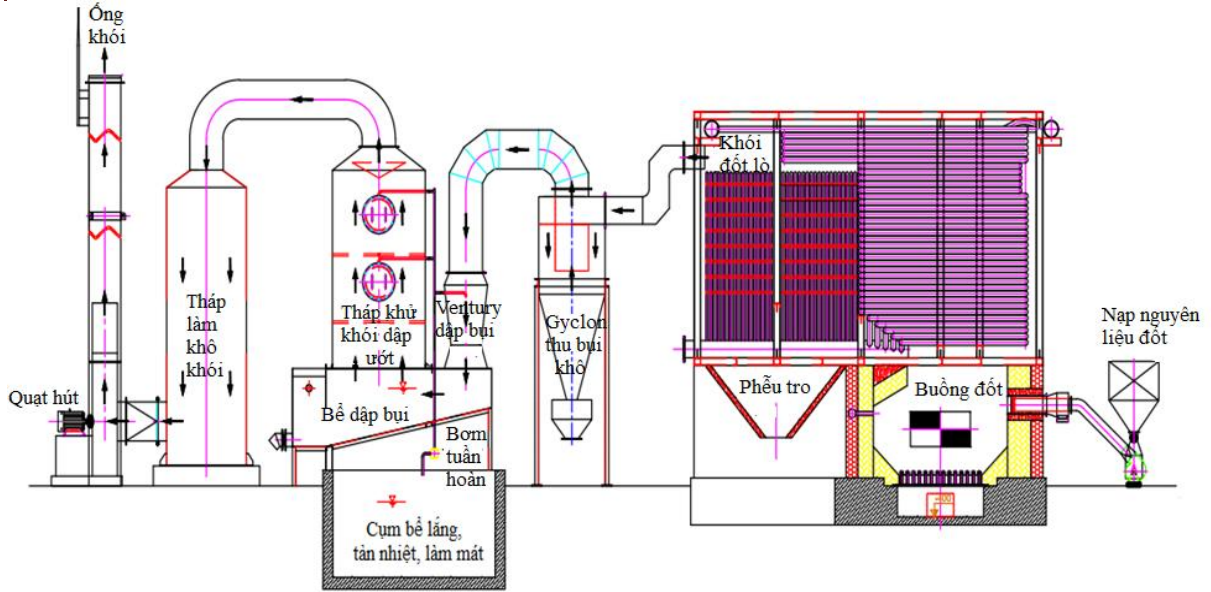
Như đã đánh giá ở phần trước khi đốt nhiên liệu là Biomass (củ, mùn cưa,...) khí ô nhiễm thành phần chủ yếu là CO và hơi nước, kèm theo một ít các chất bốc trong củi không kịp cháy hết, oxy dư và tro bụi bay theo dòng khí. Còn các thành phần gây hại như là SO₂, NO_x hầu như không có hoặc rất ít. Chủ dự án sử dụng phương pháp hấp thụ để xử lý bụi, khí thải của lò dầu tải nhiệt.

Giai đoạn hiện tại dự án đã đầu tư, lắp đặt xong hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt và dự kiến đưa vào vận hành thử nghiệm trong thời gian sớm nhất khi hoàn thiện các thủ tục về môi trường.

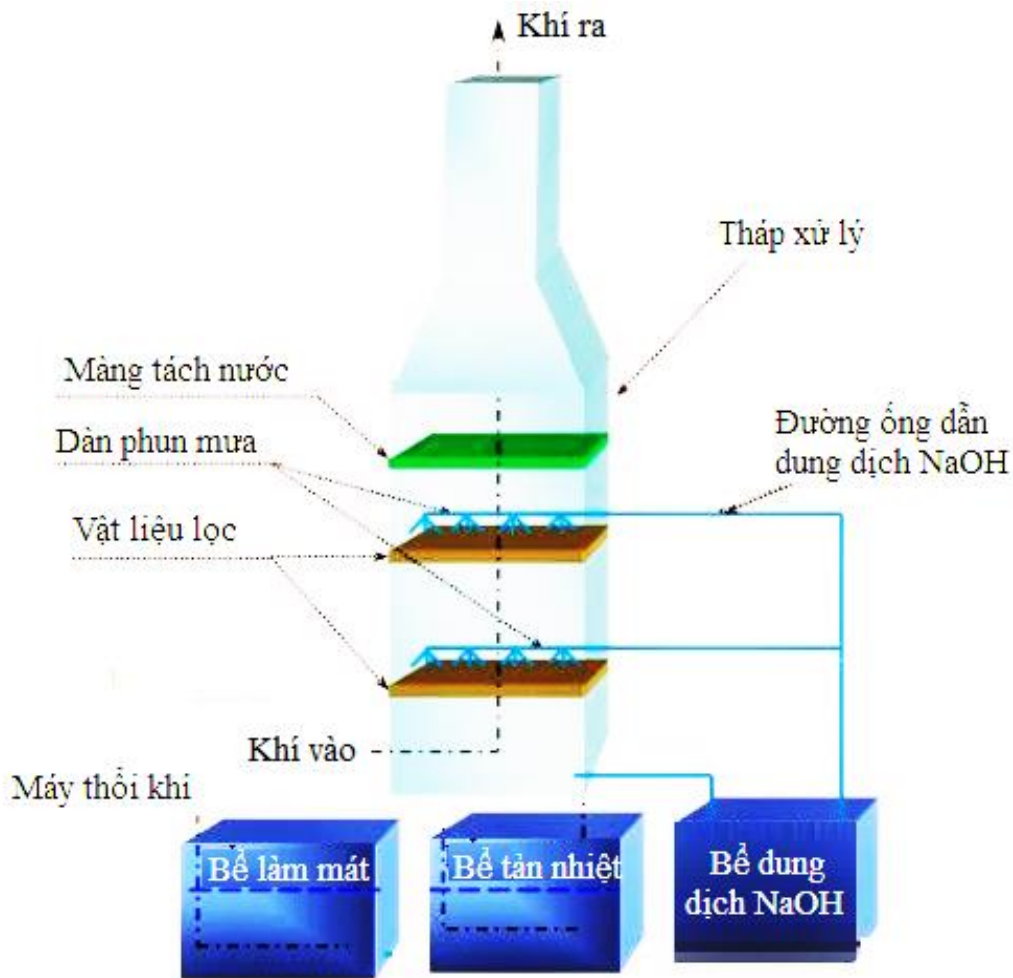
Hệ thống xử lý khí thải được chủ dự án áp dụng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH.

Công nghệ xử lý khí thải được mô tả tại sơ đồ sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”



Hình 4. 8: Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt



Hình 4. 9: Sơ đồ công nghệ tháp khử khí dập ướt xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt

Thuyết minh công nghệ xử lý:

Dòng khói đốt lò phát sinh nhờ lực đẩy của quạt hút 24.000 m³/h theo đường ống dẫn khí đi vào Cyclon thu bụi khô tách được khoảng 50% bụi thô (bụi to) có trong khói thải trước khi đi vào Ventury để khử tiếp 50% bụi mịn (bụi nhỏ).

Tiếp theo khí thải đi lên từ đáy tháp hấp thụ (tháp khử khói dập ướt). Đồng thời bơm dung dịch (dung dịch NaOH) cũng hoạt động. Bên trong tháp hấp thụ có kết cấu 2 dàn phun để phun dung dịch NaOH thành chùm các hạt nước nhỏ ngược chiều với dòng khí thải, khí ô nhiễm đi qua các lớp vật liệu lọc (bằng sứ) của tháp sẽ tiếp xúc với dung dịch hấp thụ phản ứng hóa học sẽ xảy ra qua bề mặt các hạt dung dịch, dung dịch hấp thụ được tưới đều trên bề mặt lớp đệm và chảy dọc theo các bề mặt vật liệu đệm.

+ Vật liệu lọc bằng sứ là loại vật liệu được dùng phổ biến để dùng làm vật liệu đệm trong các hệ thống xử lý khí thải. Với thành phần hóa học chủ yếu là SiO₂, Al₂O₃, vòng đệm sứ có khả năng chịu nhiệt độ cao và hoạt động bền vững trong môi trường có tính acid hoặc bazơ cao.

+ Đặc điểm của vật liệu lọc bằng sứ là có diện tích tiếp xúc rộng, tăng cường hiệu quả hấp thụ khí thải. Loại vật liệu này thường được sử dụng phổ biến bởi ngoài tính năng hiệu quả thì giá thành hợp lý, phù hợp cho từng công trình.

- Dàn phun dung dịch để tạo môi trường và có tác dụng lắng cặn trong quá trình xử lý khói bụi.

- Khí thải chuyển động với vận tốc cao 5,5 – 6 m/s để hòa trộn với chất lỏng có thể mang theo các hạt sương. Màn tách nước được đặt ở tầng trên cùng của tháp có chức năng giữ lại các hạt sương bị mang theo cùng dòng khí đi lên. Ngoài ra màn này cũng có nhiệm vụ hấp thụ lượng khí thải còn sót lại ở 2 lớp vật liệu lọc bên dưới. Cuối cùng, khí sạch sẽ được dẫn qua ống khói ra ngoài.

Nồng độ dung dịch hấp thụ được kiểm tra tự động bằng thiết bị đo pH tự động, khi nồng độ khí thải vượt mức cho phép thì NaOH sẽ tự động bơm vào (máy bơm định lượng). Như vậy sẽ đảm bảo không khí thải ra ngoài luôn đạt chuẩn cho phép theo quy chuẩn (việc cài đặt sẽ do người vận hành).

Dung dịch hấp thụ sau khi tiếp xúc với khí thải mang nhiệt độ cao rơi xuống đáy tháp xử lý được dẫn vào cụm bể tản nhiệt, làm mát (kích thước 6mx3mx2m; đáy đổ bê tông; thành xây gạch trát xi măng chống thấm) nhằm giảm nhiệt độ dung dịch và lắng cặn trước khi bơm tuần hoàn trở lại bể dung dịch NaOH. Phần cặn lắng sẽ hút định kỳ.

Khí thải sau xử lý tại tháp hấp thụ tiếp tục đi qua tháp làm khô khói trước khi thoát ra ngoài theo đường ống khói Φ500, cao 13m. Vị trí ống khói đặt tại xưởng số 1 phía Nam dự án (xem chi tiết tại Bản vẽ mặt bằng vị trí các

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

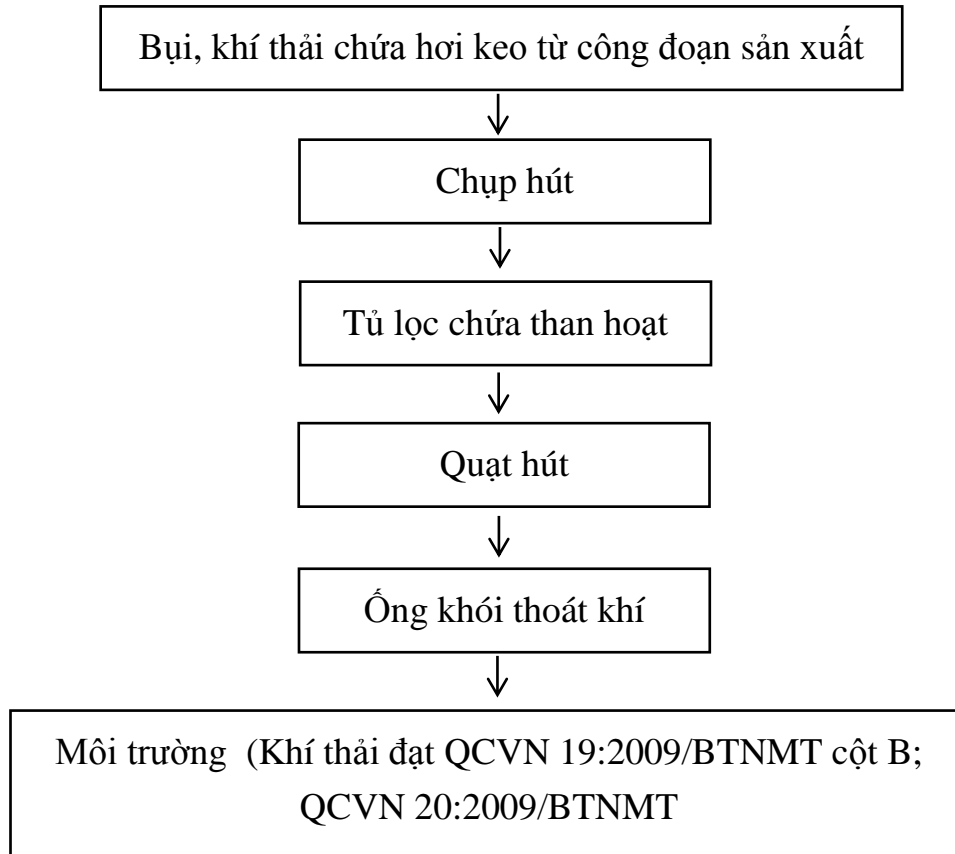
hạng mục công trình BVMT chính đính kèm phụ lục báo cáo) cách khu dân cư gần nhất 200m đảm bảo khoảng cách ly an toàn về vệ sinh môi trường theo quy định tại Quy chuẩn 01:2019/BXD, dự án chưa có đánh giá tác động môi trường tham chiếu các giá trị trong phụ lục 3 của TCVN 4449 – 1987 khoảng cách ly vệ sinh 50m.

Hiệu quả xử lý đối với bụi trong các công trình thực tế luôn > 95%. Khí thải sau xử lý đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của cột B, QCVN 19:2009/BTNMT.

b.3. Hơi hữu cơ phát sinh từ quá trình tráng keo, ép nóng, phủ phim, ép cốt:

Công ty lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi keo trong quá trình sản xuất từ khu vực các máy ép nóng, từ quá trình pha keo đưa vào máy tráng keo tại nhà xưởng.

Sơ đồ công nghệ xử lý hơi keo như sau



Hình 4. 10. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý hơi keo

Nguyên lý hoạt động:

Khí thải tại khu vực tráng keo, ép nóng sản phẩm được lắp đặt hệ thống hút bên trên được thiết kế bằng miệng hút D300 để hút hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ công đoạn tráng keo và ép nóng, Sau đó khí đi vào hệ thống ống

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

dẫn về hệ thống xử lý khí thải qua buồng lọc chứa than hoạt tính. Tại đây các chất hữu cơ bay hơi đều được giữ lại nhờ vật liệu lọc là than hoạt tính. Than hoạt tính được chia làm 2 lớp, mỗi lớp dày khoảng 10-12cm, sử dụng loại than dạng hạt. Sau đó khí sau xử lý là khí sạch được đi qua ống phóng không ra ngoài môi trường.

Định kỳ 6 tháng/1 lần thay lớp than hoạt tính nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của hệ thống, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép.

Đánh giá tính khả thi của hệ thống

- + Vận hành đơn giản
- + Chi phí vận hành thấp
- + Nguyên liệu than hoạt tính phổ biến, giá thành rẻ, không gây độc hại.
- + Hiệu quả xử lý cao, đảm bảo xử lý khí thải cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

c./ Khí thải phát sinh từ nhà bếp

Nồng độ các chất ô nhiễm sinh ra do các hoạt động đốt gas là không lớn, nguồn ô nhiễm được phân tán trên diện tích rộng và chỉ phát sinh trong tức thời tại thời điểm nấu ăn nên hoạt động này cũng ít gây ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- + Sử dụng các loại gas đạt tiêu chuẩn, rõ nguồn gốc.
- + Sử dụng nhiên liệu tiết kiệm.
- + Lắp đặt chụp hút khí thải tại khu vực bếp ăn.

d./ Đối với mùi hôi từ khu tập kết rác thải, nhà vệ sinh:

Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, đặt ở vị trí thích hợp, tách biệt với các khu vực như khu văn phòng, nhà xưởng hay nhà ăn, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý hàng ngày (vào cuối giờ chiều, tần xuất 2 ngày/lần).

Khu nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh tập trung của Công ty thường xuyên được dọn rửa và khử mùi nên hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

trường không khí. Trong quá trình hoạt động Công ty sẽ chú trọng đến nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên nhằm giữ gìn vệ sinh chung cho Công ty.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại).

2.3.1. Dự báo về khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải sinh hoạt

Với số lượng lao động của dự án khi đi vào hoạt động ổn định khoảng 120 người. Khối lượng phát sinh rác thải sinh hoạt khoảng 0,5kg/người/ngày. Thì lượng chất thải rắn phát sinh $120 \times 0,5 = 60\text{kg/ngày}$.

Chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ dự án bao gồm: Dăm bào, mùn cưa, gỗ vụn,... Căn cứ vào tình hình thực tế tại các xưởng sản xuất đang hoạt động của công ty chúng tôi. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất được xác định như sau

Bảng 4. 3. Khối lượng chất thải công nghiệp không có thành phần nguy hại, có khả năng tái chế, tái sử dụng

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh
1	Phế phẩm từ quá trình sản xuất gỗ bao gồm gỗ vụn, mùn cưa,...	Kg/năm	10.800
2	Giấy nhựa văn phòng, các loại carton, palet hư hỏng	Kg/năm	120
	Tổng cộng	Kg/năm	10.920

Chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất bao gồm các loại thùng chứa dầu, nhớt thải (dầu nhớt dùng để bôi trơn các máy móc thiết bị); giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải (phát sinh do hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị), các loại bình mực in, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ác quy,... Tổng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất ước tính như sau:

ST T	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau dính dầu nhờn, dính thành phần nguy hại	Rắn	30	18 02 01
2	Hộp mực in, photo thải	Rắn	15	08 02 04
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	5	19 06 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	35	17 02 04
6	Keo 502 thải	Lỏng	2	08 03 01
7	Chai đựng keo 502 thải bằng nhựa	Rắn	30	18 01 03
8	Dầu nhớt bằng nhựa	Rắn	10	18 01 03
Tổng khối lượng			137	

2.3.2. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

Rác thải sinh hoạt: Chủ yếu là bao bì, giấy, nylon, nhựa, rau quả thừa....

- *Biện pháp thu gom, phân loại*:

+ Khu vực vệ sinh: Bố trí 03 thùng loại vừa 10 lít đặt có nắp đậy ở những vị trí thuận tiện, dễ thấy.

+ Khu vực nhà ăn: Bố trí 3 thùng rác 60 lít để thu gom lượng CTR sinh hoạt phát sinh. Riêng đối với thức ăn thừa từ khu vực nhà bếp, được thu gom vào 2 thùng nhựa có nắp đậy với dung tích 120 lít.

+ Chất thải rắn từ các hoạt động văn phòng như giấy vụn và các hộp bìa cát tông, Công ty bố trí 2 thùng đựng rác dung tích 20 lít ở vị trí các bàn làm việc và có nội quy đối với nhân viên văn phòng và yêu cầu thực hiện đúng nội quy đã quy định.

+ 02 thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 200lit/thùng tại khu vực kho chứa chất thải.

Rác thải sinh hoạt được thu gom và phân loại ngay tại nguồn như sau:

- Chất thải có thể tái chế như: Vỏ chai lọ, hộp nhựa, giấy văn phòng... được chủ dự án thu gom riêng và lưu giữ trong kho chứa chất thải sinh hoạt trước khi được vận chuyển đi xử lý, tái chế.

- Chất thải sinh hoạt không có khả năng tái sử dụng, tái chế như: Giấy vệ sinh, túi nilong, vỏ hoa quả, bã chè,... sẽ được thu gom riêng và lưu giữ tạm thời trong kho chứa chất thải sinh hoạt trước khi được vận chuyển đi xử lý.

- *Lưu trữ chất thải:*

Sau khi được thu gom, phân loại thì chất thải được chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu thể tích là: Nén, ép, làm xẹp và được đưa về kho chứa chất thải rắn sinh hoạt của dự án để lưu trữ tạm thời trước khi đơn vị xử lý đến thu gom vận chuyển.

Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 20 m² xây tường gạch, trần bê tông xi măng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định

- *Biện pháp quản lý, xử lý:*

Biện pháp quản lý, xử lý: Chủ dự án sẽ ký hợp đồng chuyển giao chất thải với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn thông thường: Chủ yếu là gỗ vụn, bao bì hỏng... phát sinh hàng ngày sẽ được công nhân thu gom vào cuối mỗi ngày làm việc, ước tính khoảng 30kg/ngày, sau đó đưa về kho chứa chất thải thông thường với diện tích 20m², đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định. Hình thức thu gom và xử lý cụ thể đối với từng loại chất thải như sau:

- Đối với bụi gỗ từ thiết bị lọc bụi túi vải định kỳ 1 tuần/lần công nhân sẽ thu gom cho vào bao chứa bụi và đưa về kho chứa chất thải, sau đó bán lại cho các đơn vị có nhu cầu. Bao chứa phải đậy kín miệng bao, tránh gây rơi vãi bụi trong quá trình vận chuyển.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

- Bao bì thải, giấy vụn từ văn phòng sẽ được thu gom vào khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường và bán phế liệu khi khối lượng đủ lớn.

- *Biện pháp thu gom, phân loại:*

Công ty trang bị 15 thùng chứa chất thải có dung tích: 25 lít tại từng vị trí sản xuất, ngay tại vị trí làm việc của mỗi công nhân để thu gom triệt để 100% lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.

- *Lưu trữ chất thải:*

Chất thải rắn sản xuất sau khi được thu gom, phân loại được chuyên xuống kho chứa chất thải rắn sản xuất vào cuối ngày làm việc. Chất thải rắn sẽ được lưu trữ tạm thời tại đây trước khi được vận chuyển xử lý.

Kho chứa chất thải rắn sản xuất có diện tích 20 m² xây tường gạch, trần bê tông xi măng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định .

Biện pháp quản lý, xử lý: Chủ dự án sẽ ký hợp đồng chuyển giao chất thải với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

Chất thải nguy hại:

- *Biện pháp thu gom, phân loại và lưu trữ:*

+ Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa dung tích 60 - 120 lít có nắp đậy, để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại chất thải nguy hại (CTNH), bên ngoài thùng chứa có dán mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường..

- Thu gom và lưu chứa: Chất thải nguy hại được thu gom phân loại và lưu trong kho chứa riêng biệt có diện tích 20m² kho được xây tường gạch, trần bê tông xi măng, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định, ngoài cửa kho chứa có biển cảnh báo nguy hại.

- *Biện pháp quản lý, xử lý:* Chủ dự án sẽ ký hợp đồng chuyển giao chất thải với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

Trong quá trình hoạt động sản xuất, tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong nhà xưởng, gây tác động trực tiếp đến công nhân làm việc của từng dây chuyền sản xuất.

- *Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực nhà máy:* gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải ra/vào khu vực nhà máy. Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Cụ thể: xe du lịch nhỏ có mức ồn 70 dBA, xe tải: 78 – 85 dBA, xe mô tô: 64 dBA,..

- *Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong xưởng sản xuất:* các loại máy móc, thiết bị sử dụng trong nhà máy.

- *Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung:* Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, Chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

+ Về mặt lựa chọn thiết bị: công ty lắp đặt các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn, rung thấp.

+ Các thiết bị có công suất lớn được lắp đặt đệm chống ồn, rung.

+ Bảo dưỡng máy móc và thay dầu định kỳ.

+ Trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao (nút bịt tai,...).

+ Đối với các thiết bị tại những dây chuyền có công suất lớn lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh..

+ Thường xuyên kiểm tra độ mòn của các thiết bị và tiến hành bôi trơn định kỳ để giảm bớt tiếng ồn

+ Chống rung tại nguồn: Tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục như: Kê cân bằng máy, sử dụng vật liệu phi kim loại, thay đổi chế độ tải làm việc...;

+ Chống rung lan truyền: dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi, gối đàn hồi cao su...)

* Sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu mức ồn cho phép theo QCVN 24:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho

phép tiếng ồn tại nơi làm việc. Độ rung cho phép theo QCVN 27:2016/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.5.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

** Biện pháp phòng ngừa sự cố bể xử lý nước thải.*

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường công thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường công dẫn nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

** Biện pháp ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải*

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra môi trường; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của

hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

* Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống rãnh nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời và không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

2.5.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải.

* *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa*

- Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy chuẩn, công suất xử lý đảm bảo triệt để lượng khí, bụi phát sinh.

- Giao công nhân vận hành, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo hoạt động liên tục.

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị trong hệ thống hút bụi, khí thải.

* *Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố*

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

5.2.3. Phòng ngừa sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

+ Các biện pháp phòng ngừa:

Công ty đề ra các biện pháp và quy tắc thực hiện cho khu nhà ăn như sau:

- Tuyển chọn đầu bếp và nhân sự phục vụ nhà ăn phải có tay nghề.
- Công nhân làm việc tại nhà ăn được tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm định kỳ 2 năm/lần.
- Chọn những nhà cung cấp thực phẩm đảm bảo.
- Đề ra nội quy và thực hiện theo Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/06/2010.
- Công ty sử dụng nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.
- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm.
- Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt tiêu chuẩn quy định.
- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.
- Tại khu vực nhà bếp luôn được dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ. Thực phẩm khi mua được chọn những loại tươi, ngon và được cung cấp từ những địa chỉ an toàn, có chất lượng, được chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy trình chế biến đảm bảo đúng hướng dẫn của ngành y tế. Đội ngũ nhân viên nhà bếp sẽ luôn được trang bị đầy đủ dụng cụ, bảo hộ khi chế biến thực phẩm và được tham gia đầy đủ các lớp nghiệp vụ về vệ sinh an toàn thực phẩm khi ngành y tế tổ chức.
- Công ty thành lập bộ phận y tế (từ 2 - 3 người) với tủ thuốc thường trực được lắp đặt ở các nhà xưởng sẵn sàng sơ cứu những trường hợp cán bộ công nhân viên khi bị mắc những bệnh thông thường như đau đầu, đau bụng,...

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

+ Biện pháp ứng phó sự cố:

Trường hợp dưới 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm:

Bộ phận y tế của nhà máy sẽ tiến hành sơ cứu, tìm hiểu nguyên nhân. Đối với bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

Trường hợp trên 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm:

Khi các công nhân có các triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Đau bụng, đau đầu, buồn nôn, đi ngoài. Bộ phận y tế sẽ phối hợp với các phòng ban chức năng khác của công ty khẩn trương thành lập bệnh viện dã chiến, khu vực khám phân loại bệnh nhân.

+ Đối với các bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Đối với các bệnh nhân còn lại, tổ chức điều trị tại bệnh viện của công ty. Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và thực hiện các biện pháp khắc phục.

5.2.4 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, chập điện:

- Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện trang bị thiết bị báo cháy và chữa cháy, có xác định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Biện pháp quản lý:

+ Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung các dụng cụ phòng cháy chữa cháy đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy chủ động ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Tổ chức thành lập ban chỉ đạo và đội phòng cháy chữa cháy bao gồm các thành viên của Công ty;

+ Thành lập các phương án phòng cháy chữa cháy, đảm bảo chủ động khi có sự cố xảy ra.

Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh về PCCC..

5.2.5 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động:

* *Biện pháp phòng ngừa*

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

- Lập ra nội quy an toàn cho mỗi khu vực sản xuất; Thành lập nội quy về an toàn lao động chung và các quy định cho từng thiết bị, công đoạn sử dụng máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ các trang phục cần thiết như: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt,...

- Lao động làm việc được huấn luyện về an toàn trong sử dụng máy móc, thiết bị, vệ sinh lao động, được khám sức khỏe định kỳ và trang bị các phương tiện bảo hộ lao động chuyên dụng theo quy định của pháp luật.

- Có chế độ đãi ngộ đặc biệt với người lao động: Khám sức khỏe định kỳ, tăng lương, phụ cấp,....

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo 100% các thiết bị được vận hành đúng theo quy cách và an toàn.

- Lắp đặt các biển báo nguy hiểm, nội quy quy định về an toàn lao động trong tất cả các khâu sản xuất.

- Được tập huấn kỹ năng xử lý khi xảy ra tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn hóa chất phải nhanh chóng sơ cứu cho nạn nhân sau đó chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để kịp thời cứu chữa.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động trong quá trình sản xuất để phòng ngừa sự cố;

- Kiểm tra sức khỏe của công nhân định kỳ tối thiểu 1 lần/năm.

** Biện pháp ứng phó*

+ Các phương pháp sơ cứu khẩn cấp: Đây là biện pháp cấp cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mạng và tránh tai biến khi người lao động bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của các bác sĩ. Khi xảy ra tai nạn cần phải:

Kiểm tra xem nạn nhân có bị chảy máu, gãy xương, nôn hay không.

Kiểm tra xem nạn nhân có còn tỉnh táo, còn thở, mạch còn hay không.

** Các biện pháp sơ cứu:*

- Ra máu nhiều:

+ Dùng bông hoặc gạc sạch bịt vết thương.

+ Nâng tay hoặc chân bị thương so với tim

+ Dùng băng để buộc chặt vết thương, chú ý không buộc quá chặt
+ Chú ý nếu sử dụng phương pháp cầm máu trực tiếp không có hiệu quả thì sử dụng nẹp cầm máu.

- Bỏng do nhiệt:

+ Làm mát xung quanh vết bỏng bằng nước lạnh, đá.

+ Để nguyên dạng vết thương, không thoa kem, dầu lên vết thương.

- Gãy xương:

Trước hết phải điều trị vết thương khi có máu ra cần phải cầm máu, khi có mảnh xương nhô cần khử trùng cho vết thương, để miếng gạc sạch, dày lên vết thương và dùng băng đàn hồi băng cầm máu, tránh dùng dây và băng thường để buộc.

Có chấn thương không nguy hiểm đến tính mạng: Sơ cứu tại chỗ nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất. Tai nạn nghiêm trọng sơ cứu tại chỗ, gọi cấp cứu theo số 115 và làm theo hướng dẫn của y tế. Nếu huy động được phương tiện, nhanh chóng chuyển đến cơ sở để cấp cứu, gọi điện báo cáo cơ sở.

Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cho quá trình lao động, chủ dự án thực hiện một số biện pháp sau:

+ Trang bị các phương tiện an toàn lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ lao động, găng tay,....

+ Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao và các thiết bị tại các công đoạn sử dụng hóa chất.

5.2.6. Đối với sự cố máy nén khí

Máy nén khí được kiểm định đảm bảo quy định của Nhà nước trước khi đi vào sử dụng, vận hành.

+ Bình nén khí phải được kiểm định kỹ thuật an toàn (KTAT) theo quy định chuẩn ISO, người sử dụng thiết bị phải giao trách nhiệm quản lý bình khí nén cho cán bộ quản lý thiết bị bằng văn bản.

+ Người được phép vận hành và sử dụng các bình nén khí phải là người đã được huấn luyện đào tạo sát hạch về chuyên môn, quy trình KTAT vận hành thiết bị chịu áp lực và phải được người sử dụng lao động giao trách nhiệm bằng văn bản.

+ Trên bình khí nén phải có đủ các thiết bị an toàn sau: Van an toàn, Áp

kế – Không đặt bình khí nén ở những nơi dễ cháy, nổ.

+ Người trực tiếp vận hành bình phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của bình, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra đo lường: áp kế, van an toàn, rơ le không chế áp suất. Vận hành bình một cách an toàn theo đúng quy trình của đơn vị.

+ Vào đầu ca vận hành, khi áp suất trong bình đạt 0,5 (1kg/cm²), công nhân vận hành cần kéo nhẹ van an toàn để thông van an toàn và mở van xả đáy để xả nước ngưng hoặc dầu đọng lại dưới đáy bình. Sau mỗi ca làm việc phải xả các chất cặn và nước đọng ở trong bình.

+ Định kỳ rửa sạch lưới lọc gió của máy nén ít nhất hai tháng một lần để đề phòng bụi và tạp chất lọt vào theo đường hút vào máy.

+ Máy nén khí được bố trí tại khu vực có khoảng cách phù hợp với khu nhà xưởng và văn phòng.

Chủ dự án cam kết sử dụng an toàn máy nén khí theo đúng quy định tại TCVN 6155:1996 Bình chịu áp lực – Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa.

Có đầy đủ phương án, lực lượng phòng chống cháy nổ. Lực lượng phòng chống cháy nổ hoạt động hiệu quả, được tập luyện định kỳ. Có đầy đủ nội quy, tiêu lệnh, dụng cụ, phương tiện phòng cháy chữa cháy, các dụng cụ, phương tiện đều đảm bảo chất lượng.

Ngừng sử dụng ngay bình nén khí trong các trường hợp sau:

- Khí các bộ phận trên bình bị hỏng, bị nứt, phồng, rỉ mòn, xì hơi.....
- Áp suất trong bình tăng đột ngột không rõ nguyên nhân hoặc hoạt động quá công suất.
- Các mối đe dọa về cháy hỏa hoạn gần kề các sản phẩm bình nén khí.
- Áp kế hoạt động sai và không thể đo được áp suất trong bình.

Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc việc kiểm định kỹ thuật an toàn, chỉ bố trí người qua đào tạo nghề, được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn lao động được vận hành thiết bị và khai báo sử dụng các thiết bị với Sở Lao động –TB&XH tỉnh Bắc Giang.

5.2.7. Sự cố rò rỉ tràn đổ hóa chất

** Cách thức quản lý, bảo quản, sử dụng hóa chất:*

- Hóa chất phải được đựng trong thùng kín đặt trong kho chứa được bố trí ở khu vực riêng biệt, tránh nơi có nhiệt độ cao, kho chứa khô ráo, có nhiệt độ thấp và hệ thống thông khí tốt;

- Không chứa và sử dụng hóa chất gần ngọn lửa, nguồn nóng, tia lửa điện, bảo vệ hóa chất trước sức nóng mặt trời. Không sử dụng lại các thùng hóa chất cũ mà chưa qua quá trình xử lý, xúc rửa.

- Thủ kho có trách nhiệm kiểm tra kho chứa, để kịp thời xử lý khi trong kho có hiện tượng như chảy đổ, rách thùng, hư hại do côn trùng, chuột cắn phá hoặc mất mát.

- Định kỳ hàng tháng cán bộ chịu trách nhiệm về an toàn hóa chất và môi trường phải kiểm tra kho chứa hóa chất để cháy nổ, độc hại tới môi trường... Công tác kiểm tra phải được thực hiện cả bên trong và bên ngoài kho, kiểm tra các dụng cụ thiết bị ứng phó sự cố, hệ thống báo động và thông tin liên lạc. Khi phát hiện các sự cố nguy hiểm (mất mát hóa chất nguy hiểm, tràn đổ, cháy nổ...) phải báo ngay cho Giám đốc và người chịu trách nhiệm. Khi phát hiện những hư hỏng công trình phải ghi nhận, báo cáo và lên kế hoạch sửa chữa kịp thời.

- Tổ chức định kỳ tập huấn cho công nhân về an toàn lao động khi sử dụng và bảo quản hóa chất; ứng cứu khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất...

** Biện pháp ứng cứu khi có sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất:*

- Khi có sự cố xảy ra để tránh gây độc cần mặc đồ bảo hộ chống cháy, mặt nạ phòng độc, găng tay khi tiếp xúc với hóa chất rò rỉ;

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức độ nhỏ: lau sạch, sử dụng chất thấm thấu như vải mềm sau đó bỏ thải vào thùng chứa CTNH theo đúng quy định;

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng: tránh tiếp xúc với tia lửa, lau sạch bằng vải mềm hoặc có thể dùng cát, đất để ngăn chặn chất lỏng lan rộng. Để các thùng chứa hóa chất rò rỉ vào nơi khô thoáng, xa các nguồn gây cháy, lau sạch... Di tản ngay những người xung quanh, nếu thùng chứa hóa chất có dấu hiệu cháy, nổ, cần cách xa ít nhất 800 mét về tất cả các hướng.

** Biện pháp sơ cứu y tế khi xảy ra sự cố:*

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt ngay bằng nước sạch với lượng nước nhiều và liên tục trong vòng 15 phút, chớp mắt liên tục trong khi rửa với nước;

- Trường hợp tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất): Di chuyển nạn nhân ngay ra nơi khô thoáng, thoáng khí, gọi trung tâm chống độc hoặc cơ sở y tế gần nhất;

- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nhầm hóa chất): Tránh nôn ói, nếu bị ói, phải cúi đầu qua hông để không cản đường hô hấp, nếu nạn nhân không thở được, làm hô hấp nhân tạo và đến ngay trung tâm y tế gần nhất.

Chủ dự án sẽ xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất gửi cơ quan chức năng phê duyệt theo quy định.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Dự án không xả nước thải vào công trình thủy lợi.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, kế hoạch xây lắp các công trình và dự toán kinh phí đối với các công trình của án.

Bảng 4. 4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp	Dự toán kinh phí
1	Nước thải sinh hoạt	Xây dựng bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải	Hoàn thành trước tháng 12/2025	350.000.000
2	Nước mưa	Bố trí hệ thống thoát nước mưa	Hoàn thành trước tháng 12/2025	100.000.000
3	Chất thải nguy hại	Bố trí khu vực nhà chứa chất thải, trang bị đầy đủ dụng cụ lưu trữ chất thải, hộp đồng	Hoàn thành trước tháng 12/2025	30.000.000

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

		thu gom xử lý.		
4	Chất thải thông thường	Bố trí khu vực thu gom, lưu trữ tại khu vực nhà chứa sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý	Hoàn thành trước tháng 12/2025	30.000.000
5	Chất thải rắn sinh hoạt	Trang bị thùng chứa, xây dựng kho chứa	Hoàn thành trước tháng 12/2025	30.000.000
6	Bụi, khí thải	Hệ thống quạt thông gió, hệ thống xử lý bụi gỗ.	Hoàn thành trước tháng 12/2025	1.120.000.000

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Bảng 4. 5. Tổ chức quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Quản lý	Vận hành/theo dõi
1	Hệ thống đường ống, hệ thống lọc bụi	Phòng kỹ thuật	Nhân viên môi trường
2	Hệ thống xử lý nước thải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên môi trường
3	Nhà chứa chất thải	Phòng kỹ thuật	Nhân viên môi trường vệ sinh

Chủ dự án sẽ cử cán bộ đào tạo quản lý vận hành máy móc đúng kỹ thuật, giám sát hiệu quả xử lý và điều chỉnh phù hợp đảm bảo các chỉ tiêu môi trường đầu ra đạt tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quy định. Nhân viên môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát, tiến hành bảo trì 1 tháng/lần nhằm đảm bảo các hệ thống xử lý vận hành tốt, khắc phục sự cố kịp thời.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý ngay nguồn ô nhiễm và rủi ro này.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá dự báo

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng được đưa ra trong bảng sau

TT	Các đánh giá tác động môi trường	Mức độ tin cậy của kết quả đánh giá	Nguyên nhân
Giai đoạn xây dựng			
1	Tác động đến môi trường không khí	Trung bình	Không có số liệu chi tiết về thời gian hoạt động của các thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Chủ yếu dựa vào tính toán lý thuyết, dựa vào hệ số ô nhiễm của WHO thiết lập Hướng gió, vận tốc gió, các điều kiện khí hậu không phải hằng số, vì vậy các tính toán về khả năng phát tán có độ tin cậy trung bình.
2	Tác động đến môi trường nước	Cao	Có thể dự đoán được các nguồn phát sinh nước thải và lưu lượng, tính chất nước thải dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu.
	Tác động do CTR	Cao	Có thể ước tính được lượng chất thải dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu.
4	Tác động do tiếng ồn, độ rung	Trung bình	Có thể ước tính được dựa trên các công trình đã thi công tương tự và kinh nghiệm của nhà thầu. Tuy nhiên không đánh giá được tác động cụ thể vào từng thời điểm, do không có số liệu về số

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

			lượng máy móc hoạt động vào từng thời điểm nhất định
Giai đoạn hoạt động			
1	Tác động đến môi trường không khí	Cao	Có thể xác định được các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí. Dựa vào các công trình xử lý của một số nhà máy sản xuất có ngành nghề tương tự đã áp dụng.
2	Nước thải	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể ước tính được chính xác lượng nước thải và các tác động có thể ảnh hưởng đến môi trường.
3	Tác động do CTR	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể ước tính được chính xác các tác động này.
4	Tiếng ồn	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể ước tính được chính xác các tác động này.
5	Rủi ro, sự cố	Cao	Từ công suất hoạt động của dự án và các công ty có ngành nghề sản xuất tương tự đang hoạt động có thể ước tính được chính xác các tác động này.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- 01 nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: Phát sinh 30m³/ngày đêm tương đương với 1,25 m³/giờ (tính theo 24 giờ);

1.3. Dòng nước thải

01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án công suất 30m³/ngày đêm được thoát ra hệ mương nội đồng tại thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.

- Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B))
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải: Mương nội đồng của khu vực giáp dự án tại Thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang; tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiều 3⁰):

$$X= 2358440.69; \quad Y= 420209.27$$

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT cột B.) được xả ra môi trường bằng phương thức tự chảy, liên tục;

- Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ);
- Thời gian đề nghị cấp phép: 10 năm;

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Bụi gỗ phát sinh từ các công đoạn cắt cạnh, chà nhám, chà mịn.

- Nguồn số 02: Hơi hữu cơ phát sinh từ công đoạn ép nóng, ép phủ phim, ép cốt.

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động xử lý khí thải lò dầu.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- Nguồn số 01: 14.000 m³/h
- Nguồn số 02: 14.000 m³/h
- Nguồn số 03: 14.000 m³/h

Tổng lưu lượng khí thải thiết kế của 3 công trình xử lý là: 42.000m³/h

2.3. Dòng khí thải

Dòng khí thải: 03 dòng khí thải sau xử lý khí thải theo 3 ống thoát khí của 3 hệ thống xử lý riêng thoát vào môi trường.

Các chất ô nhiễm trong dòng khí thải

+ Dòng khí thải 1: Từ hệ thống xử lý khí thải nguồn số 01 (Hệ thống xử lý bụi): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO_x, SO₂.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải khi thoát vào môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B,

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

+ Dòng khí thải 2: Từ hệ thống xử lý khí thải nguồn số 02 (Hệ thống xử lý hơi hữu cơ (hơi keo)): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO_x, SO₂, Toluene, Benzen, Xylen, Fomaldehyt.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải khi thoát vào môi trường đạt QCVN 19,20:2009/BTNMT, cột B,

+ Dòng khí thải 3: Từ hệ thống xử lý khí thải nguồn số 03 (Hệ thống xử lý khí thải lò dầu): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, áp suất, lưu lượng, Bụi, CO, NO_x, SO₂.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải khi thoát vào môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20/2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.4. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: 03 vị trí tại 03 ống thoát khí thải của 03 hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ các vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°).

+ Vị trí số 01: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi tại nhà xưởng số 2, tọa độ vị trí xả thải: X= 2358513; Y= 420168

+ Vị trí số 02: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý hơi hữu cơ (hơi keo) tại nhà xưởng số 1, tọa độ vị trí xả thải X= 2358498; Y= 420177

+ Vị trí số 03: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu tại nhà xưởng số 1, tọa độ vị trí xả thải X= 2358473; Y= 420192

- Phương thức xả thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (thời gian làm việc 24giờ/ngày).

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT đối với bụi, khí thải. Cụ thể như sau:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

**Bảng 5. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo
đồng khí thải**

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT (cột B))			Tần suất quan trắc định kỳ
			Nguồn số 01	Nguồn số 02	Nguồn số 03	
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	-	Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	200	200	
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	500	500	
4	NO _x	mg/Nm ³	850	850	850	
5	CO	mg/Nm ³	1.000	1.000	1.000	
6	Benzen	mg/Nm ³	-	5	-	
7	Toluen	mg/Nm ³	-	750	-	
8	Xylen	mg/Nm ³	-	870	-	
9	Fomaldehyt	mg/Nm ³	-	20	-	

Ghi chú: “-” không quan trắc

3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung:

3.1 Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn độ rung phát sinh từ các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực nhà xưởng số 1 (từ máy lật ván, máy cắt).

- Nguồn số 02: Tiếng ồn độ rung phát sinh từ các máy móc thiết bị sản xuất tại khu vực nhà xưởng số 2 (máy trà nhám, chà mí).

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn độ rung (tại vị trí trung tâm các xưởng) (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiều 3⁰):

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

Vị trí	Tọa độ	
	X	Y
Tại nhà xưởng số 1	420203.44	2358540.79
Tại nhà xưởng số 2	420229.28	2358486.33

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

b2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	1,4m/s ² (103dB)	1,4m/s ² (103dB)	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau;

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian hoàn thành xây dựng	Thời gian VHTN
1	Hệ thống xử lý khí thải	Tháng 4/2025	Từ ngày tháng 5 đến tháng 8/2025
2	Hệ thống xử lý nước thải	Tháng 4/2025	Từ ngày tháng 5 đến tháng 8/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

1.2.1. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu, kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu.

Vị trí, số lượng và thông số giám sát từng mẫu thể hiện qua bảng sau:

Bảng 6. 2. Kế hoạch giám sát đối với công trình xử lý chất thải

STT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh hiện hành
1	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý.	pH, BOD ₅ , Tổng Chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần1: Ngày 15/5/2025 - Lần2: Ngày 16/5/2025 - Lần3: Ngày 17/5/2025	QCVN14:2008/BTNMT cột B
2	Vị trí số 01: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý bụi tại nhà xưởng số 2	Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO _x , SO ₂ .	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần1: Ngày 15/5/2025 - Lần2: Ngày 16/5/2025 - Lần3: Ngày 17/5/2025	QCVN 19:2009/B TNMT, cột B

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:
“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”*

<p>Vị trí số 02: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý hơi hữu cơ (hơi keo) tại nhà xưởng số 1</p>	<p>Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, Toluen, Benzen, Xylen, Formandehyde</p>	<p>Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần1: Ngày 15/5/2025 - Lần2: Ngày 16/5/2025 - Lần3: Ngày 17/5/2025</p>	<p>QCVN 19/2009/B TNMT cột B và QCVN 20/2009/B TNMT</p>
<p>Vị trí số 03: 01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải lò dầu tại nhà xưởng số 1</p>	<p>Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO_x, SO₂.</p>	<p>Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần1: Ngày 15/5/2025 - Lần2: Ngày 16/5/2025 - Lần3: Ngày 17/5/2025</p>	<p>QCVN 19:2009/B TNMT, cột B</p>

1.2.2. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.

- Công ty TNHH Phát Triển KHCN và Môi Trường Thành Công

+ Người đại diện: (Ông) Nguyễn Văn Lợi Chức vụ - Giám đốc

+ Địa chỉ liên hệ: Số 1 ngõ 220 đường Tây Tựu, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

+ Điện thoại: 0936.57.3377

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ

* Quan trắc nước thải

Căn cứ theo điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án:

“Xây dựng nhà máy chế biến gỗ Xuất khẩu”

vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ môi trường nước thải.

* Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

Căn cứ theo điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ môi trường khí thải. Tuy nhiên, chủ dự án tự chịu trách nhiệm trong việc vận hành công trình đảm bảo chất lượng khí thải phát sinh ra ngoài môi trường tiếp nhận.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

- Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 0 đồng (*bằng chữ: không đồng*).

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Chủ dự án cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các Điều khoản quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020;
 - Đối với nước thải sinh hoạt: Chủ dự án cam kết nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được đầu nối dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 30m³/ngày đêm đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường hiện trạng, tại thôn Cả, xã Mỹ Thái, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
 - Đối với khí thải: Được thu gom xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.
 - Đối với các loại chất thải: Chủ dự án cam kết quản lý thu gom, lưu giữ và ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường. Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Cam kết vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.
 - Hàng năm trích kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ. Số liệu giám sát sẽ được cập nhật đầy đủ để báo cáo định kỳ cho cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.
 - Chấp hành sự kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan có chức năng.
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường.